

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆT NAM**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ THỂ THAO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA
LÀO**

VONGSACK PHANTHAVONG

PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN LÀO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Chuyên ngành : KHOA HỌC QUẢN LÝ

Mã số : 62.34.01.01

LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC :
GS.TS PHAN CÔNG NGHĨA**

VIÊNG CHĂN - 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án Tiến sỹ này là của riêng tôi, không sao chép và chưa từng được công bố trên các công trình nghiên cứu nào khác. Luận án được nghiên cứu dựa trên nền tảng lý luận của các thầy cô và trên cơ sở tác nghiệp thực tiễn tại Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Lào.

Tôi xin cam đoan những điều trên là hoàn toàn đúng sự thật. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

Tác giả luận án

VONGSACK PHANTHAVONG

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với GS.TS. Phan Công Nghĩa về sự hướng dẫn nhiệt tình và những đóng góp quý báu để luận án thành công tốt đẹp. Tác giả xin chân thành cảm ơn các thầy giáo trong Khoa Khoa học quản lý Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã đóng góp quý báu cho luận án. Tác giả xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ nhiệt tình trong quá trình thu thập tài liệu, số liệu phục vụ cho việc nghiên cứu của Tổng cục Hậu cần; Cục kinh tế, Bộ Quốc phòng Lào; Ủy ban cải cách doanh nghiệp quốc gia Lào và các doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào đã góp ý cho tác giả sửa chữa luận án. Tác giả xin cảm ơn dự án Đào tạo của hai Chính phủ Việt Nam và Lào, hai trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trường Đại học Quốc gia Lào đã tạo điều kiện thuận lợi trong suốt quá trình học tập và thực hiện Luận án và bảo vệ Luận án ở các cấp.

Cuối cùng tác giả xin cảm ơn cơ quan tác giả đang công tác đã động viên, tạo điều kiện và giúp đỡ trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tác giả luận án

Vongsack Phanthavong

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC BẢNG	viii
DANH MỤC BIỂU	x
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN.....	9
CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN LÀO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ	9
1.1. Quan điểm chung về vai trò xây dựng kinh tế của quân đội cách mạng.....	10
1.1.1. Quan điểm Lênin và Hồ Chí Minh về vai trò kinh tế của quân đội.....	10
1.1.2. Những tư tưởng và chủ trương của Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Lào về vai trò kinh tế và quân đội tham gia xây dựng kinh tế	13
1.2. Kinh nghiệm của các doanh nghiệp quân đội nhân dân Việt Nam.....	16
1.2.1. Tăng cường năng lực sản xuất, tạo công ăn việc làm, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước	17
1.2.2. Tận dụng những cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ hiện có để sản xuất phục vụ quốc phòng và sản xuất những hàng hóa mà thị trường có nhu cầu	20
1.2.3. Luôn đổi mới các doanh nghiệp quân đội nhằm ngày càng trở nên năng động hơn, hiện đại hơn, phù hợp hơn với thực tiễn kinh tế trong nước và trên thế giới	23
1.3. Doanh nghiệp Quân đội Nhân dân Lào	26
1.3.1. Khái niệm và các loại hình doanh nghiệp quân đội Lào	26
1.3.2. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào	26
1.3.3. Vai trò của doanh nghiệp quân đội Lào	32
1.4. Phát triển các doanh nghiệp quân đội Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế là nhu cầu từ thực tiễn ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	36

1.4.1.	Tính tất yếu phát triển doanh nghiệp quân đội Lào	36
1.4.2.	Phát triển doanh nghiệp quân đội Lào.....	39
1.4.3.	Các nhân tố tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp quân đội Lào....	39
1.4.4.	Hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của doanh nghiệp quân đội Lào	45
1.5.	Hệ các phương pháp, tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá sự phát triển và hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào.....	47
1.5.1.	Hệ thống chỉ tiêu đánh giá sự phát triển và hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào.....	47
1.5.2.	Hệ các phương pháp đánh giá sự phát triển và hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào.....	54
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	55
	CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN LÀO TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN TỪ 1986 ĐẾN 2010 (TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010).....	57
2.1.	Tổng quan về xây dựng và phát triển doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào.....	57
2.1.1.	Giới thiệu về Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	57
2.1.2.	Mục tiêu phát triển doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào.....	64
2.1.3.	Quá trình xây dựng và phát triển của doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào.....	65
2.2.	Thực trạng phát triển của các doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào. 69	
2.2.1.	Thực trạng về cơ cấu, số lượng, phân loại các doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào	70
2.2.2.	Thực trạng nguồn nhân lực trong doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào năm 2010.....	72
2.2.3.	Tổng số vốn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào.....	77
2.2.4.	Tổng tài sản của các doanh nghiệp quân đội Lào	81
2.3.	Thực trạng về kết quả hoạt động của các doanh nghiệp quân đội Lào.....	84
2.3.1.	Thực trạng về kết quả hoạt động của loại hình doanh nghiệp sản xuất kinh doanh	84

2.3.2.	Thực trạng về kết quả hoạt động của doanh nghiệp sản xuất quốc phòng theo chế độ hành chính bao cấp	89
2.3.3.	Thực trạng về kết quả hoạt động của doanh nghiệp cho thuê hoặc giao khoán chỉ tiêu nộp ngân sách cho Bộ Quốc phòng	92
2.4.	Thực trạng một số chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào	93
2.4.1.	Tỷ suất lợi nhuận theo doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trên tài sản	93
2.4.2.	Tỷ số doanh thu trên tổng chi phí	96
2.5.	Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp quân đội Lào.....	97
2.5.1.	Nhóm các nhân tố bên ngoài	97
2.5.2.	Nhóm các nhân tố bên trong	98
2.6.	Đánh giá thực trạng hoạt động và phát triển của doanh nghiệp quân đội Lào	99
2.6.1.	Ưu điểm	99
2.6.2.	Những hạn chế	101
2.6.3.	Nguyên nhân của các hạn chế	102
2.6.4.	Những vấn đề đặt ra cần xây dựng và phát triển.....	105
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....		106
CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN LÀO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2011-2020		
3.1. Tác động của quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến sự phát triển các doanh nghiệp quân đội.....		109
3.1.1.	Quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của các doanh nghiệp nhà nước Lào	110
3.1.2.	Tác động của quá trình kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế đến sự phát triển các doanh nghiệp quân đội Lào	119

3.2.	Quan điểm, phương hướng và mục tiêu phát triển doanh nghiệp quân đội Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2011-2020.....	122
3.2.1.	Quan điểm phát triển doanh nghiệp quân đội Lào	123
3.2.2.	Mục tiêu và phương hướng phát triển doanh nghiệp quân đội Lào	124
3.2.3.	Nhiệm vụ trọng tâm phát triển doanh nghiệp quân đội từ năm 2010 - 2015	127
3.3.	Các giải pháp phát triển doanh nghiệp quân đội Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2011- 2020	133
3.3.1.	Các đề xuất đối với cấp quản lý nhà nước	133
3.3.2.	Giải pháp, đề xuất đối với bản thân các doanh nghiệp	140
3.3.3.	Kiến nghị về điều kiện để thực hiện các giải pháp	145
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	147
	KẾT LUẬN	150
	DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	152
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	153
	TÀI LIỆU BẰNG CHỮ LÀO	158

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
AFTA	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
ADB	Ngân hàng phát triển châu Á
BQP	Bộ quốc phòng
CHDCND	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
DNQĐ	Doanh nghiệp quân đội
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ĐCS	Đảng cộng sản
ĐNDCM	Đảng nhân dân cách mạng
FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
ODA	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
QĐND	Quân đội nhân dân
QLNN	Quản lý nhà nước
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TW	Trung ương
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
MB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1.	Số lao động trong doanh nghiệp quân đội Lào	72
Bảng 2.2.	Số nhân viên trong doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng đầu tư vốn năm 2010.....	73
Bảng 2.3.	Số nhân viên loại hình doanh nghiệp hỗn hợp năm 2010.....	74
Bảng 2.4.	Số nhân viên trong các doanh nghiệp sản xuất quốc phòng theo chế độ hành chính bao cấp năm 2010	76
Bảng 2.5.	Số nhân viên trong các doanh nghiệp cho thuê hoặc giao khoán chỉ tiêu nộp ngân sách cho Bộ Quốc phòng năm 2010	76
Bảng 2.6.	Số vốn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp quân đội Lào từ 2006 - 2010	78
Bảng 2.7.	Số vốn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh từ 2006 - 2010.....	79
Bảng 2.8.	Số vốn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp cho thuê hoặc giao khoán chỉ tiêu nộp ngân sách cho Bộ Quốc phòng từ 2006 – 2010	80
Bảng 2.9.	Tổng số tài sản của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh từ 2006-2010	81
Bảng 2.10.	Tổng số tài sản của các doanh nghiệp sản xuất quốc phòng theo chế độ hành chính bao cấp từ 2006-2010.....	82
Bảng 2.11.	Tổng số tài sản của các doanh nghiệp cho thuê hoặc giao khoán chỉ tiêu nộp ngân sách cho Bộ Quốc phòng từ 2006 – 2010.....	83
Bảng 2.12.	Tổng số doanh thu của loại hình doanh nghiệp sản xuất kinh doanh từ 2006-2010	86
Bảng 2.13.	Tổng số nộp ngân sách của loại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh từ 2006-2010	87
Bảng 2.14.	Tổng số lãi ròng của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (từ năm 2006-2010).....	88

Bảng 2.15	Tổng doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất quốc phòng theo chế độ hành chính bao cấp (từ năm 2006-2010)	90
Bảng 2.16.	Tổng số lãi ròng của các doanh nghiệp sản xuất quốc phòng theo chế độ hành chính bao cấp (từ năm 2006-2010)	91
Bảng 2.17.	Tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp sản xuất quốc phòng theo chế độ hành chính bao cấp (từ năm 2006-2010).....	92
Bảng 2.18.	Nộp ngân sách của các doanh nghiệp cho thuê hoặc giao khoán chỉ tiêu nộp ngân sách cho Bộ Quốc phòng (từ năm 2006-2010)	93
Bảng 2.19.	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản của loại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (từ năm 2006 - 2010).....	94
Bảng 2.20.	Tỷ số doanh thu trên tổng chi phí của doanh nghiệp quân đội từ năm 2006 - 2010	96
Bảng 3.1.	Xác định quy mô doanh nghiệp nhà nước Lào	112
Bảng 3.2.	Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước	113
Bảng 3.3.	Chỉ tiêu hiệu quả tính bình quân của doanh nghiệp nhà nước.....	115

DANH MỤC BIỂU

Biểu đồ 2.1: Cơ cấu lao động trong doanh nghiệp quân đội	72
Biểu đồ 2.2: Cơ cấu lao động trong doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng đầu tư vốn	73
Biểu đồ 2.3: Cơ cấu lao động trong doanh nghiệp hỗn hợp	75
Biểu đồ 2.4: Cơ cấu lao động trong doanh nghiệp cho thuê hoặc giao khoán chỉ tiêu nộp ngân sách.....	77
Biểu đồ 2.5: Vốn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp quân đội Lào theo từng loại hình từ 2006 – 2010	78
Biểu đồ 2.6: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng đầu tư vốn từ năm 2006 – 2010	84
Biểu đồ 2.7: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp hỗn hợp từ 2006 - 2010.....	85

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào) đang trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) và hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện mở cửa thị trường theo cam kết gia nhập khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), từng bước trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Các doanh nghiệp (DN) Quân đội nhân dân Lào (QĐND) là các DN có tính chất đặc thù, vừa thực hiện nhiệm vụ quốc phòng vừa thực hiện nhiệm vụ hoạt động kinh tế theo cơ chế thị trường.

Thực tế phát triển các DN QĐND Lào cho thấy: các DN này có vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế xã hội của cả nước. Việc phát triển DN QĐND Lào cho phép khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn, công nghệ và thị trường; tạo công ăn việc làm cho người lao động; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giảm bớt chênh lệch giàu nghèo; hỗ trợ cho sự phát triển các DN lớn; duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống,...

Tuy vậy, qua các năm hoạt động, các DN QĐND Lào cũng còn có nhiều hạn chế về năng lực cạnh tranh, hiệu quả SXKD không cao, nhất là trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong điều kiện nền kinh tế CHDCND Lào ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, đã tạo ra không ít những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của các DN QĐND Lào. Hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ đòi hỏi có sự thay đổi mạnh mẽ từ phía Chính phủ, mà còn đòi hỏi có sự thay đổi cơ bản trong chính các DN QĐND Lào để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình nhằm tận dụng các cơ hội và giảm thiểu các thách thức có thể xảy ra.

Đề tài về: “Phát triển các DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế” đã thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả,

các nhà nghiên cứu, và các nhà hoạch định chính sách trong những năm gần đây. Đã có nhiều sách, báo và các công trình nghiên cứu về DN QĐND Lào (được nêu chi tiết hơn trong phần “Tổng quan tình hình nghiên cứu”). Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một luận án tiến sỹ nào viết về sự phát triển của các DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Xuất phát từ thực tiễn đó, đề tài “***Phát triển các DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế***”, đã được chọn đề nghiên cứu.

2. Tổng quan nghiên cứu đề tài trong và ngoài nước

Tại CHDCND Lào cũng đã có một số công trình, bài báo viết liên quan đến các DNNN, đến việc QĐND Lào xây dựng kinh tế, tiêu biểu là:

- “Mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng trong thời kỳ đổi mới ở CHDCND Lào”, Thoong Xét Phim Ma Vông, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, luận án tiến sỹ kinh tế, 2001. Luận án đã trình bày một cách có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng trong thời kỳ đổi mới ở CHDCND Lào. Từ thực trạng về mối quan hệ này trước và sau thời kỳ đổi mới, luận án đã đề xuất một số phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm giải quyết mối quan hệ đó trong thời gian tới.

- “Quân đội nhân dân Lào với sự nghiệp xây dựng kinh tế đất nước trong giai đoạn hiện nay”, Khăm Pha Mon Vông Say, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, luận án tiến sỹ kinh tế, 2004. Trong đó tác giả đã phân tích các yêu cầu khách quan, nội dung cơ bản và thực trạng về quá trình QĐND Lào tham gia xây dựng kinh tế đất nước, rút ra các hạn chế, từ đó đề xuất những phương hướng, giải pháp cơ bản và một số kiến nghị nâng cao hiệu quả DN QĐND Lào làm kinh tế trong thời gian tới.

- “Tổ chức, quản lý doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở CHDCND Lào”, Phô Thi Lát Phôm Phô Thi, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, luận án tiến sỹ kinh tế, 2005. Ở luận án này, tác giả đã hệ thống hóa những

vấn đề lý luận chung về doanh nghiệp nhà nước (DNNN), phân tích quá trình hình thành, phát triển các DNNN, thực trạng công tác tổ chức, quản lý DNNN ở Lào, đồng thời chỉ ra các tồn tại hạn chế. Từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp đổi mới tổ chức quản lý DNNN ở Lào.

- “Đầu tư phát triển các khu kinh tế- quốc phòng ở Việt Nam hiện nay”, Đỗ Mạnh Hùng, luận án Tiến sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008. Luận án đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực trạng về đầu tư và phát triển khu kinh tế - quốc phòng, nêu ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vào các khu kinh tế quốc phòng ở Việt Nam.

- “Một số giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý DNQĐ ở nước ta”, Phạm Trung Công, Luận án Tiến sỹ kinh tế, Đại học Thương mại, 2011. Luận án đã hệ thống hóa lý luận về đổi mới tổ chức và quản lý DNQĐ, đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý DNQĐ ở Việt Nam.

- “Quản lý Nhà nước đối với các DN kinh tế quốc phòng”, Nguyễn Xuân Phúc, Luận án Tiến sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2012. Luận án đã khái quát hóa lý luận về quản lý nhà nước đối với các DN kinh tế quốc phòng ở Việt Nam, thực trạng năng lực hoạt động và năng lực cạnh tranh của các DN kinh tế quốc phòng, từ đó đề ra các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với các DN kinh tế quốc phòng ở Việt Nam.

Xét trên phạm vi quốc tế, trong những năm gần đây đã có nhiều sách, báo và các công trình nghiên cứu về DN QĐND của các nước khác nhau, đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau. Có thể kể ra các công trình liên quan đến luận án như:

- UNIDO, manual for preparation of industrial feasibility studies Vietnam, 1996.

- “Kinh tế nhà nước và quá trình đổi mới DNNN”, Ngô Quang Minh, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001. Trong tác phẩm này, tác giả đã nghiên cứu về kinh tế Nhà nước và quá trình cải cách DNNN, và đề ra các giải pháp nhằm phát triển DNNN trong thời kỳ đổi mới.

- “DNNN trong phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam đến năm 2010”, PGS.TS Ngô Thắng Lợi, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004. Trong công trình này, tác

giả đã đánh giá thực trạng DNNN trong phát triển kinh tế xã hội thời kỳ đổi mới, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các DNNN trong phát triển kinh tế xã hội.

- “Sở hữu Nhà nước và DNNN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, PGS Nguyễn Cúc và PGS.TS Kim Văn Chính, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006. Trong đó, các tác giả đã làm rõ bản chất, vai trò, phạm vi hoạt động và sự cần thiết của sở hữu Nhà nước và DNNN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Từ đó đề xuất hệ thống chính sách, giải pháp nhằm đổi mới hệ thống DNNN phù hợp với yêu cầu nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Liên quan đến các DNQĐ Việt Nam, có rất nhiều bài báo, công trình nghiên cứu phong phú và đa dạng. Có thể kể ra những tác phẩm tiêu biểu như:

- “Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với DNQĐ trong điều kiện hiện nay”, Trần Đình Thăng, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 1998.

- “Giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của các DN công nghiệp quốc phòng làm kinh tế”, Phạm Anh Tuấn, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 2001.

- “Sắp xếp, đổi mới DNQĐ - thực tiễn và giải pháp”, TS Nguyễn Văn Thương, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng & kinh tế, số 3/2005.

- “Kỷ yếu hội thảo DN Việt Nam & WTO”, Bộ Thương mại, Hà Nội, 2006.

- “DNQĐ với việc Việt Nam gia nhập WTO”, PGS.TS Nguyễn Anh Hoàng, PGS.TS Nguyễn Văn Phúc, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng & kinh tế, số 5 (88)/2006.

- “Một số ý kiến về cơ chế hoạt động của DNQĐ khi không còn Bộ chủ quản”, PGS.TS Hoàng-Phúc, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng & kinh tế, số 6/2006.

- “Con đường thích ứng của các DNQĐ sau khi Việt Nam gia nhập WTO”, PGS.TS Nguyễn Anh Hoàng, PGS.TS Nguyễn Văn Phúc, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng & kinh tế, số 6 (89)/2006.

- “Nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNQĐ”, Nguyễn Thế Nghĩa, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng & kinh tế, số 8/2006.

- “Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới - thời cơ và thách thức đối với các DNQĐ”, PGS.TS Nguyễn Anh Hoàng, Tạp chí Quốc phòng toàn dân số 10/2006.

- “Một số yêu cầu đổi mới Quản lý nhà nước đối với DNQĐ khi Việt Nam gia nhập WTO”, PGS.TS Nguyễn Anh Hoàng, Tạp chí Quốc phòng toàn dân số 2/2007.

- “Nâng cao năng lực cạnh tranh của DN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Nguyễn Vĩnh Thanh, Tạp chí Tài chính quân đội, số 1 (69), 1/2008.

- “Quan điểm và lộ trình chuyển các DNQĐ thành các DN dân sự”, PGS.TS Nguyễn Anh Hoàng, PGS.TS Nguyễn Văn Phúc, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 128 tháng 2/2008.

- “Nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNQĐ”, Phùng Thế Quảng, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng & kinh tế, số 4/2008.

- “Đổi mới huy động vốn cho Công nghiệp quốc phòng”, PGS.TS Nguyễn Anh Hoàng, PGS.TS Nguyễn Văn Phúc, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng & kinh tế, số 4 (111)/2010.

- “Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh trong thời kỳ mới”, Nguyễn Nhâm, Tạp chí Công nghiệp quốc phòng & kinh tế, số 6/2010.

- “Đề các DN kinh tế quốc phòng hội nhập và phát triển”, Nguyễn Xuân Phúc, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 168 (II), tháng 6/2011.

Như vậy có thể thấy, đã có rất nhiều đề tài, công trình, bài viết ở trong và ngoài nước Lào nghiên cứu các vấn đề có liên quan, đề cập đến các vấn đề về QĐND làm kinh tế, việc sắp xếp, đổi mới tổ chức và quản lý về DNNN nói chung và DNQĐ nói riêng ở Lào và ở Việt Nam, về nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNQĐ, thời cơ và thách thức cũng như lộ trình phấn đấu của các DNQĐ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hoặc một số bài viết, công trình liên quan đến sự phát triển của khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn chiến lược ở Việt Nam, v.v.....

Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một luận án tiến sỹ nào nghiên cứu toàn diện về sự phát triển của các DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Vì thế, tác giả đã lựa chọn đề tài “Phát triển các DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế”. Khi thực hiện luận án, tác giả đã kế thừa có chọn lọc những kết quả của các nghiên cứu đã có liên quan đến đề tài này.

3. Mục đích nghiên cứu

Luận án đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm tiếp tục khuyến khích phát triển DN QĐND Lào trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được những mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án có các nhiệm vụ sau:

Nghiên cứu và hệ thống hoá các vấn đề lý luận, liên quan đến sự phát triển DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tổng kết kinh nghiệm phát triển DN QĐND Lào trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của một số DNQĐ các nước trên thế giới.

Phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng và phát triển của DN QĐND Lào trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đề xuất phương hướng và một số giải pháp nhằm tiếp tục phát triển DN QĐND có hiệu quả hơn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận án là lý luận và thực trạng phát triển DN QĐND Lào trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận án giới hạn nghiên cứu sự phát triển DN QĐND Lào trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mà không nghiên cứu DN QĐND Lào trong những điều kiện hội nhập khác. Luận án cũng giới hạn nghiên cứu sự phát triển DN QĐND Lào trong những năm đổi mới (giai đoạn 1986-2010, trong đó tập trung vào giai đoạn 2006-2010).

6. Phương pháp nghiên cứu

Luận án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: a/ Phương pháp thu thập thông tin (khảo sát, điều tra, tham vấn ý kiến, phân tích thông tin sẵn có); b/ Phương pháp trình bày số liệu (bảng thống kê, biểu đồ, bản đồ); c/ Phương pháp phân tích đánh giá (so sánh, dãy số thời gian, tính các chỉ tiêu...).

Cụ thể, trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp thu thập thông tin để viết tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận trong Chương 1. Phương pháp thu thập thông tin cũng được sử dụng để thu thập số liệu thứ cấp về thực trạng hoạt động của DNQĐ Lào từ Cục kinh tế BQP Lào và Cục thống kê Lào cho việc phân tích Chương 2. Nguồn để thu thập thông tin về thực trạng hoạt động của DNQĐ Lào bao gồm: Tài liệu tổng kết hàng năm của Tổng cục Hậu cần QĐND Lào; Tài liệu Hội nghị rút kinh nghiệm công tác phát triển kinh tế của các DN QĐND Lào trong toàn quân đội lần thứ I ngày 22-25 tháng 12/1998; Báo cáo của Ủy ban Cải cách doanh nghiệp quốc gia ngày 01/09/2010 và các nguồn số liệu khác. Bên cạnh đó, luận án còn tiến hành khảo sát, điều tra các DN QĐND Lào; tham vấn ý kiến của các DN, các nhà hoạch định chính sách, các chuyên gia trong lĩnh vực phát triển DN.

Phương pháp trình bày số liệu được sử dụng trong Chương 1 và phần lớn được sử dụng trong Chương 2. Trong Chương 1, phương pháp này được để trình bày các số liệu về tình hình kinh tế vĩ mô của Lào và triển vọng của DN QĐND Lào. Trong Chương 2, phương pháp này được sử dụng để trình bày số liệu về số lượng, cơ cấu của DN QĐND Lào; số liệu về nguồn nhân lực, số liệu về vốn của các DN QĐND Lào; số liệu về kết quả SXKD của các DN QĐND Lào qua các chỉ tiêu hiệu quả trong thời kỳ nghiên cứu của luận án.

Phương pháp phân tích đánh giá (so sánh, dãy số thời gian, tính các chỉ tiêu) được sử dụng chủ yếu trong Chương 2 để phân tích thực trạng hoạt động của các DNQĐ Lào giai đoạn 2006 - 2010. Cụ thể, trong Chương 2 luận án sử dụng phương pháp này để tính toán các chỉ tiêu như: Tỷ suất lợi nhuận theo doanh thu, chỉ số lợi nhuận trên tài sản, tốc độ tăng trưởng của doanh thu,... của từng nhóm DNQĐ; thực hiện so sánh từng chỉ tiêu này qua các năm và so sánh từng chỉ tiêu này ở các nhóm

DNQĐ khác nhau, để từ đó đưa ra đánh giá về hiệu quả hoạt động của DNQĐ Lào nói chung và từng nhóm DNQĐ Lào nói riêng.

7. Những đóng góp của luận án

Luận án đề cập một cách có hệ thống vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển các DN QĐND Lào trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Đánh giá thực trạng DN QĐND Lào xây dựng và phát triển trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các cuộc khảo sát ở các DN QĐND Lào trên toàn quốc.

Đề xuất quan điểm mới về các tiêu chí xác định DN QĐND Lào thông qua quá trình nghiên cứu các vấn đề lý luận về phát triển DN QĐND Lào. Rút ra các bài học từ việc tổng kết kinh nghiệm phát triển DNQĐ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của một số nước trên thế giới.

Đề xuất các quan điểm mới, phương hướng và một số giải pháp nhằm phát triển DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian một thập kỷ tới.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo và phần kết luận, luận án được trình bày trong 3 Chương:

- Chương 1:** Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế
- Chương 2:** Thực trạng xây dựng và phát triển các DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 1986- 2010, trong đó tập trung giai đoạn 2006-2010
- Chương 3:** Quan điểm, phương hướng và giải pháp phát triển các DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2011-2020

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN LÀO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Hiện nay, CHDCND Lào đang trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế thị trường XHCN và ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

Để thực hiện được chủ trương quan trọng có tầm chiến lược này cần phải triển khai nhiều chính sách và giải pháp đồng bộ trên tầm quốc gia. Trong đó, phát triển các DN trong nền kinh tế theo một cơ cấu hợp lý, khai thác được tiềm năng thế mạnh của đất nước, xác lập vị trí vững chắc trên thị trường trong nước, vươn ra và hội nhập một cách có hiệu quả trên thị trường khu vực và quốc tế là một nhiệm vụ có tầm chiến lược quan trọng cần được ưu tiên giải quyết.

Trong sự nghiệp đổi mới, để đẩy mạnh CNH - HĐH, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, các DN có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Vai trò đó thể hiện trong việc góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển của các ngành và của cả nền kinh tế, tạo ra hàng hoá dịch vụ, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, tăng thu nhập và nâng cao đời sống, tạo nguồn thu quan trọng cho ngân sách Nhà nước. DN được coi là “chiếc đệm giảm sóc” của thị trường. Nhận thức được tầm quan trọng của các DN, Đảng và Nhà nước Lào đã và đang có những chủ trương, chính sách, biện pháp, phương pháp quản lý nhằm tăng cường khuyến khích đầu tư phát triển các DN nói chung và DNQĐ nói riêng. Tuy nhiên, việc chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường theo hướng công nghiệp và hiện đại trong các ngành mà các DN QĐND Lào có thể mạnh diễn ra chậm. Hoạt động kinh doanh của các DN này có phát triển nhưng chưa khai thác và sử dụng tiềm năng có hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nên chưa có khả năng cạnh tranh với các nước. Đây là trở ngại nhất để hội nhập với kinh tế khu vực

và kinh tế thế giới. Và đây cũng là vấn đề cấp thiết phải xem xét cụ thể, đầy đủ cả ở cấp vĩ mô và vi mô.

1.1 . Quan điểm chung về vai trò xây dựng kinh tế của quân đội cách mạng

Mục này bao gồm hai tiểu mục: 1.1.1. Quan điểm Lênin và Hồ Chí Minh về vai trò kinh tế của quân đội và 1.1.2. Những tư tưởng và chủ trương của Đảng, Nhà nước và QĐND Lào về vai trò kinh tế và quân đội tham gia xây dựng kinh tế.

1.1.1. Quan điểm Lênin và Hồ Chí Minh về vai trò kinh tế của quân đội

1.1.1.1. Quan điểm của Lênin về vai trò kinh tế của quân đội

Việc QĐND Lào tham gia vào làm kinh tế không phải là ngẫu nhiên, mà dựa trên các cơ sở lý luận và thực tiễn của cách mạng của CHDCND Lào, vì QĐND Lào là một đội quân cách mạng, tức là nó phải thực hiện bất cứ một nhiệm vụ nào để làm cho cách mạng có lợi. Thực tế là, ở tất cả các nước XHCN, quân đội không chỉ là một lực lượng quân sự, có nhiệm vụ bảo vệ chế độ, chống lại kẻ thù xâm lược, phá hoại, mà còn là một lực lượng kinh tế làm những việc đóng góp vào sự phát triển nền kinh tế của đất nước. Vấn đề này đã có từ thời kỳ đầu tiên ở Liên Xô trước đây. Sau cuộc nội chiến, Lênin đã nhận ra vai trò làm kinh tế của quân đội. Thời kỳ ấy, chính quyền Xô Viết còn mới mẻ và non yếu, lại bị kẻ thù trong nước và ngoài nước chống phá rất dữ dội. Muốn giữ vững chính quyền, Liên Xô phải khôi phục nền kinh tế của mình. Vấn đề khôi phục và phát triển kinh tế trở thành vấn đề quyết định sự còn hay mất của Liên Xô và quân đội không thể đứng ngoài nhiệm vụ ấy. Lênin nói: “Ở chỗ chúng ta không được làm suy yếu lực lượng quân sự của mình, mà phải làm cho toàn bộ bộ máy chính quyền Xô Viết từ chỗ tập trung vào chiến tranh sang chỗ tập trung vào con đường mới là hòa bình, xây dựng kinh tế” [54, tr181]. Chính vì vậy, Lênin đề ra yêu cầu phải giáo dục cho quân đội hiểu rõ được rằng, quân đội có nhiệm vụ cấp bách là phải tham gia làm kinh tế. Sự thực đã diễn ra đúng như Lênin nhận định. Ngay thời kỳ ấy, Hồng quân Liên Xô đã nhanh chóng bắt tay vào những công việc to lớn như khai phá những vùng đất bị bỏ

hoang trong chiến tranh, xây dựng nhiều công trình thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng như cầu, đường, các nhà máy thủy điện... Những công việc này cùng một lúc mang những ý nghĩa kinh tế xã hội, chính trị rất lớn và rất thiết thực. Những thành tích của quân đội trong kinh tế đã góp phần quyết định để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, làm cho nông nghiệp được phục hồi, tăng lương thực cho xã hội, tạo được những cơ sở đầu tiên của cơ khí hóa và điện khí hóa của Liên Xô trong những năm sau đó. Đây là những kinh nghiệm rất quý báu đối với việc xây dựng CNXH ở các nước khác sau này. Đó cũng là sự khẳng định trong thực tế, quân đội có khả năng lớn trong lĩnh vực làm kinh tế. Kinh nghiệm này đã được Trung Quốc, Việt Nam, Cuba áp dụng. Các đơn vị Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã từng là đội quân tiên phong, những anh hùng khai phá Bắc đại hoang, mở ra cả một vùng kinh tế mới, giàu tiềm năng cho kinh tế nông nghiệp của đất nước Trung Hoa. Công nghiệp quốc phòng của Trung Hoa là một khu vực mạnh và tiên tiến của kinh tế quốc dân. Họ đã chế tạo ra được nhiều ô tô, máy kéo, những máy công cụ, tự chế tạo được vũ khí, từ súng, đạn cho tới xe quân sự, xe tăng, thậm chí cả máy bay, tên lửa. Các xí nghiệp may quân đội đảm bảo cung cấp đủ quân trang cho quân đội, còn có cả sản phẩm bán ra xã hội. Quân y sản xuất ra thuốc men, dụng cụ y tế cung cấp cho nhu cầu trong và ngoài quân đội [16, tr 22 - 24].

1.1.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò kinh tế của quân đội

Tư tưởng về vai trò kinh tế của quân đội cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nêu lên. Ngay từ khi sáng lập ra QĐND Việt Nam, Hồ Chủ Tịch đã nêu lên một tư tưởng nổi tiếng làm phương châm mãi mãi cho quân đội. Người khẳng định, QĐND Việt Nam là đội quân chiến đấu và công tác. Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ rõ 2 nhiệm vụ cùng một lúc của quân đội là: vừa chiến đấu để bảo vệ cách mạng, bảo vệ chế độ và bảo vệ nhân dân, vừa thực hiện những nhiệm vụ kinh tế và xã hội. “QĐND Việt Nam là đội quân chiến đấu và là đội quân công tác. Quân đội góp phần tích cực xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, làm tròn nhiệm vụ đội quân cách mạng” [34, tr 824].

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đích thân ra chỉ thị thành lập QĐND Việt Nam từ năm 1944. Người được tôn vinh là người Cha thân yêu của lực lượng vũ trang cách mạng. Hơn ai hết, Hồ Chủ tịch hiểu rằng, bộ đội là con em của nhân dân lao động, quân đội là từ nhân dân mà ra. Họ là những người dân mặc áo lính. Khi có giặc, họ là những người đi chiến đấu để bảo vệ tổ quốc, bảo vệ nhân dân. Khi hòa bình, họ vừa làm nhiệm vụ phòng thủ đất nước, vừa là một lực lượng lao động to lớn và hiệu quả. Hồ Chủ tịch nói: “quân đội tích cực trong công tác lao động, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm là góp phần xây dựng CNXH” [34, tr 124].

Hồ Chủ tịch nhận rõ khả năng đóng góp của quân đội trong lĩnh vực làm kinh tế. Khi tham gia vào lao động sản xuất, tạo ra của cải vật chất, sức trẻ và ý thức tự giác cao của quân đội sẽ là những sức mạnh lớn. Kỷ luật vốn vẫn là ưu thế của quân đội, tạo ra sức mạnh của quân đội. Khi được vận dụng vào lao động sản xuất thì sẽ có năng suất cao, chất lượng tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐCS Việt Nam luôn nhấn mạnh tới vai trò của quân đội trong kinh tế, trong lao động sản xuất. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng chỉ rõ: “trên cơ sở đảm bảo nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất quốc phòng, huy động một phần lực lượng quân đội, sử dụng một phần năng lực quốc phòng và công nghiệp quốc phòng vào việc xây dựng kinh tế” [21, tr 64].

Những tư tưởng về vai trò kinh tế của quân đội cách mạng và về các lực lượng vũ trang trực tiếp tham gia làm kinh tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của ĐCS Việt Nam là những tư tưởng mở đường và là cơ sở lý luận để QĐND Việt Nam đạt được những thành quả ngày càng lớn trong lĩnh vực này. Trong lịch sử gần 70 năm của mình, QĐND Việt Nam đã thực sự trở thành một đội quân chiến đấu, một đội quân công tác. Ngay từ cuộc kháng chiến chống Pháp 1946 - 1954, trong hoàn cảnh vô cùng gian khổ, thiếu thốn, các đơn vị quân đội vẫn thường xuyên tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Sau khi miền Bắc được giải phóng, hàng vạn chiến sỹ đã trở thành công nhân nông trường. Xây dựng nên những công trường quốc doanh to lớn ở Điện Biên, Vĩnh Phúc, Nghệ An... Các công trình xưởng được mở rộng, phát triển, vừa sản xuất vũ khí, đạn dược, vừa sản xuất hàng tiêu dùng. “Xây dựng các

khu kinh tế quốc phòng ý chí và trí tuệ” [12]. Cho đến thời kỳ đổi mới, các DNQĐ ra đời và phát triển nhanh chóng. Đến nay, các DN này đã trở thành một lực lượng kinh tế đáng kể trong nền kinh tế quốc dân Việt Nam.

Đối với các DN QĐND Lào, quá trình hình thành và phát triển của các DN QĐND Việt Nam đã cung cấp những bài học quý báu. Luận án dành riêng tiêu mục 1.2 trong Chương 1 để nghiên cứu vấn đề này.

1.1.2. Những tư tưởng và chủ trương của Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Lào về vai trò kinh tế và quân đội tham gia xây dựng kinh tế

QĐND Lào là một đội quân cách mạng, là công cụ sắc bén của Đảng và nhân dân Lào trong suốt quá trình cách mạng hơn 70 năm qua. Đó thực sự là một đội quân luôn luôn: “Trung với đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”, góp một phần quyết định vào chiến thắng vẻ vang của cách mạng Lào, đưa đến thắng lợi vĩ đại, thành lập nước CHDCND Lào vào ngày 2 tháng 12 năm 1975 lịch sử.

Được Đảng rèn luyện và lãnh đạo, quân đội Lào lúc nào cũng là đội quân xung kích, có mặt ở những nơi khó khăn gian khổ nhất, không quản hy sinh, gian khổ và đã trở thành một đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đúng như lời dạy, lời khen của chủ tịch Kay Sôn Phôm Vi Hăn: “QĐND Lào xuất thân từ nhân dân các bộ tộc Lào, thể hiện đầy đủ hai chức năng của quân đội ta: vừa là công cụ trấn áp thù trong giặc ngoài, đồng thời phải tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, góp phần vào việc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc” [56].

Cũng giống như quân đội của các nước anh em, khi bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước, QĐND Lào ngày càng đề cao nhiệm vụ tham gia vào công cuộc khôi phục đất nước, phát triển kinh tế. Chủ tịch Xu Pha Nu Vông đã nói: “Quân đội ta xứng đáng và luôn luôn là của nhân dân, đấu tranh cách mạng là của toàn dân, hiện nay hòa bình chúng ta cùng toàn đảng, toàn dân, quân đội có trách nhiệm khắc phục hậu quả chiến tranh, là lực lượng nòng cốt trên mặt trận xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của Tổ quốc, xứng đáng là quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng” [57].

Đảng và Nhà nước CHDCND Lào sớm nhận ra vai trò và khả năng to lớn của quân đội trong lĩnh vực kinh tế. Do đó, những chủ trương, chính sách nhằm huy động sức mạnh tiềm tàng của quân đội để đưa vào lĩnh vực hoạt động kinh tế cũng được đưa ra khá sớm.

Chủ tịch Khăm Tây Xi Phăn Đon khẳng định: “Nhiệm vụ của quân đội ta trong việc gắn liền kinh tế với quốc phòng chưa bao giờ chặt chẽ như giai đoạn hiện tại... Trong bối cảnh hiện tại của đất nước, quân đội ta phải thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng kinh tế, xây dựng những công trình trọng điểm trên phạm vi cả nước, với quy mô lớn hơn, rộng hơn theo định hướng mà nhà nước giao cho quân đội thi công” [58].

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào diễn ra vào tháng 4/1986 là một mốc son lịch sử, đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Lào. Đại hội mở ra chiến lược đổi mới trong sự nghiệp phát triển đất nước, xây dựng và phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân, phát triển văn hóa, triệt để xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu, bao cấp, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Đại hội đặc biệt nhấn mạnh những nhiệm vụ mới của sự nghiệp gắn kinh tế với quốc phòng, coi đó là một mục tiêu chiến lược của sự nghiệp phòng thủ đất nước. Văn kiện đại hội còn đề ra những phương hướng cụ thể hơn để quân đội tham gia tích cực hơn nữa vào nhiệm vụ phát triển kinh tế đất nước: “... Quân đội tham gia xây dựng và phát triển kinh tế cần thực hiện chính sách ưu đãi và ưu tiên chuyển hướng sản xuất của quân đội để tham gia sản xuất hàng dân dụng và làm kinh tế là nhu cầu cần thiết, hiện tại các xí nghiệp trong quân đội cần tập trung năng lực sản xuất của mình” [59].

Tư tưởng này đã mở ra con đường thuận lợi cho việc phát huy vai trò kinh tế của quân đội. Với mục đích là sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có của quân đội và đưa vào hoạt động sản xuất, tạo ra nhiều việc làm, tạo ra nguồn thu nhập mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của bộ đội.

Hội nghị lần thứ 4 (khóa IV) của Ban Chấp hành TW Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (10/1987) một lần nữa quán triệt: “Trong xây dựng kinh tế, phát triển văn

hóa và xây dựng nông thôn mới, quân đội cần đồng thời thực hiện nhiệm vụ tham gia xây dựng kinh tế, phát triển nông thôn và nhiệm vụ quốc phòng an ninh” [66].

Tư tưởng kết hợp chặt chẽ 2 nhiệm vụ kinh tế và quốc phòng được văn kiện Đại hội VI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào 1996 nhấn mạnh thêm một lần nữa: “...Xây dựng kinh tế phải tiếp tục thực hiện kết hợp có hiệu quả với nhiệm vụ phát triển kinh tế với hình thức phong phú hơn, quy mô rộng hơn, lớn hơn...” [60]. Đại hội còn nhấn mạnh thêm việc chuyển một bộ phận lực lượng quân đội xuống tận những địa bàn cơ sở, kết hợp với nhân dân ở những địa phương để xây dựng những vùng kinh tế trọng điểm. Đảng nhấn mạnh và giao nhiệm vụ cho Bộ Quốc phòng: khi tham gia xây dựng kinh tế, cần phải coi hiệu quả kinh tế làm trọng tâm, an ninh quốc phòng là quan trọng. Đảng coi việc phát triển kinh tế ở những vùng nông thôn là mục tiêu cơ bản, bởi vì nó là động lực chủ yếu để nâng cao đời sống cho nhân dân, phát triển văn hóa, qua đó mà củng cố mặt trận quốc phòng an ninh của Tổ quốc.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, BQP đã triển khai thực hiện nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế rất tích cực. Hội nghị Đảng của BQP ngày 6/2/1998 đã nhấn mạnh: nhiệm vụ của các đơn vị quân đội tham gia làm kinh tế là phải nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế của mình, SXKD với tầm vóc, quy mô lớn hơn, thường xuyên rút kinh nghiệm công tác nhằm ngày càng đạt hiệu quả cao hơn nữa. Đặc biệt, các đơn vị này ngày càng quan tâm hơn tới chất lượng của sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất. Hội nghị nhấn mạnh: các đơn vị làm kinh tế trong khi tìm mọi biện pháp để nâng cao khả năng làm kinh tế không bao giờ được phép chỉ chạy theo lợi nhuận thuần túy, đạt lợi nhuận cao bằng bất cứ giá nào. Ngược lại, phải luôn quan tâm tới lợi ích cao hơn, đó là mặt quốc phòng, an ninh, chính trị và hiệu quả xã hội; lúc nào cũng phải sẵn sàng làm nhiệm vụ quốc phòng và có khả năng nhanh chóng chuyển hướng nhiệm vụ khi có những tình huống bất thường xảy ra.

Để nhấn mạnh tầm quan trọng của Quân đội nhân dân Lào tham gia xây dựng kinh tế, Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ VII (2001) đã chỉ rõ: “Chúng ta cần sử

dụng có hiệu quả tiềm năng lao động, lực lượng khoa học và cơ sở vật chất kỹ thuật của quân đội tham gia xây dựng kinh tế” [61].

Tóm lại, từ ngày bắt đầu đổi mới, Đảng và Nhà nước, các vị lãnh tụ luôn luôn đề ra các tư tưởng sáng suốt để cho quân đội nhận thức được nhiệm vụ quan trọng của quân đội trong sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước. Những tư tưởng này tập trung vào các vấn đề chính là:

+ *Thứ nhất*, QĐND Lào là đội quân cách mạng, xuất thân từ nhân dân lao động. Quân đội là công cụ sắc bén của Đảng và nhân dân, là đội quân chiến đấu và cũng là đội quân công tác. Quân đội phải sẵn sàng làm bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao cho.

+ *Thứ hai*, Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, quân đội phải tích cực tham gia vào việc phát triển kinh tế xã hội, phải tổ chức đưa một bộ phận trong lực lượng quân sự của mình trực tiếp làm nhiệm vụ kinh tế, góp phần tạo ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội, vừa nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của quân đội, vừa đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

+ *Thứ ba*, Trong khi tham gia vào phát triển kinh tế, một mặt phải coi hiệu quả kinh tế là trọng tâm, nhưng lại phải tránh tư tưởng kinh tế đơn thuần, không thể đạt lợi nhuận cao bằng bất cứ giá nào. Ngược lại, quân đội phải hiểu được ý nghĩa chính trị xã hội to lớn của việc quân đội làm kinh tế. Hiệu quả kinh tế phải gắn liền với hiệu quả chính trị xã hội. Luôn quán triệt tư tưởng gắn liền giữa kinh tế với quốc phòng an ninh, góp phần quyết định vào làm thay đổi kinh tế xã hội ở địa phương, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố an ninh và quốc phòng.

Những tư tưởng chỉ đạo này đã trở thành những phương châm chủ yếu, là mệnh lệnh cho BQP và các DNQĐ trong hình thành và phát triển.

1.2. Kinh nghiệm của các doanh nghiệp quân đội nhân dân Việt Nam

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam đã được thông qua tại Đại hội VII của ĐCS Việt Nam. Đại hội VIII của Đảng đã xác định hướng chiến lược cơ bản để xây dựng và phát triển kinh tế, kết hợp kinh tế với quốc phòng. Các

DN QĐND Việt Nam từ khi được thành lập đã sản xuất và kinh doanh đạt được một số kết quả đáng kể, góp phần phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế đất nước, tham gia xóa đói giảm nghèo và giải quyết các vấn đề xã hội.

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng anh em, có mối quan hệ hữu nghị truyền thống đặc biệt, hợp tác toàn diện, được các thế hệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước dày công vun đắp; trong đó, hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư phát triển đã mang lại những kết quả thiết thực, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ tổ quốc của mỗi nước. Chính phủ Việt Nam đánh giá cao chính sách coi trọng phát triển quan hệ hữu nghị đặc biệt với Việt Nam của Lào, cũng như việc Lào đã dành quan tâm đặc biệt và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, DN Việt Nam hoạt động kinh doanh tại Lào. Đối với việc phát triển các DN QĐND Lào trong kinh tế thị trường và hội nhập, sự phát triển của các DN QĐND Việt Nam đã để lại cho CHDCND Lào những bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là các kết quả như sau:

1.2.1. Tăng cường năng lực sản xuất, tạo công ăn việc làm, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước

Các DN QĐND Việt Nam, “do đặc điểm được hình thành từ các nhà máy quốc phòng, các công trình trong các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc nên các DNQĐ có lịch sử xây dựng phát triển khá dài. Họ đã tham gia nhiều lĩnh vực then chốt của nền kinh tế quốc dân như giao thông, thủy lợi, thủy điện, xây dựng khai thác mỏ, cơ khí đóng tàu, bay dịch vụ, cảng biển...”[50]. Có những lúc cao điểm, thời kỳ sau chiến tranh biên giới, Bộ Quốc phòng Việt Nam có đến 305 DN, trở thành một Bộ có nhiều DN nhất. Qua nhiều lần sắp xếp đổi mới, số đầu mỗi DN được thu gọn từ 169 đầu mỗi năm 2001, đến hết năm 2009 còn 115 DN và đến nay (2010) còn 91 DN 100% vốn nhà nước (trong đó, 67 DN hoạt động theo hình thức độc lập, 24 DN hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con). Toàn quân đã hoàn thành việc cổ phần hóa trên 40 DN. Các DN QĐND chủ yếu gồm các DN quốc phòng - an ninh, như sản xuất vũ khí, sản xuất các thiết bị phục vụ quân sự và doanh nghiệp kinh tế quốc phòng (phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng thời bình và sẵn sàng cho thời chiến).

So với thời kỳ đầu chuyển sang kinh tế thị trường, các DN QĐND Việt Nam đã có những bước tiến dài. Nhiều DN đã tự khẳng định mình, sản xuất ổn định, nhất là trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường và ngày càng có nhiều tiến bộ đáp ứng dần những yêu cầu khắt khe của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vượt qua những bất lợi về địa bàn đứng chân, và những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, để đứng vững và phát triển, vượt qua cơn bão của khủng hoảng tài chính của Thế giới. Trong 5 năm gần đây, doanh thu của các DN QĐND Việt Nam tăng 200%, lợi nhuận trước thuế tăng 476,5%, nộp ngân sách tăng 517%, thu nhập ngân sách tăng 102%. Năm 2010, doanh thu các đơn vị kinh tế đạt 150 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt trên 16 nghìn tỷ đồng, nộp ngân sách đạt 13.600 tỷ đồng, thu hút 160 nghìn lao động, thu nhập bình quân của người lao động đạt trên 6,5 triệu đồng/tháng.

Hoạt động SXKD của các DN QĐND Việt Nam giai đoạn 2007 - 2010 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam phải nỗ lực rất lớn trong sự cạnh tranh ngày một gay gắt với yêu cầu không ngừng nâng cao hơn về trình độ công nghệ, năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng nhìn chung trong những năm qua, hoạt động SXKD của các DN QĐND Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể và đạt được một số thành quả nhất định. Bắt nhịp được với tốc độ tăng trưởng và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của cả nước, nhịp độ phát triển ngành kinh tế quân đội tương đối ổn định, tốc độ phát triển tuy chưa cao, nhưng phát triển vững chắc. Các DN QĐND Việt Nam vẫn vững vàng bám trụ trên các địa bàn chiến lược, sản xuất và cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm cho xã hội. Các chỉ tiêu tổng hợp của các doanh nghiệp như doanh thu, lợi nhuận, giá trị thặng dư, nộp ngân sách, thu nhập bình quân của người lao động, giá trị xuất khẩu không ngừng tăng qua các năm.

Năm 2008 là một năm khó khăn đối với các DN nói chung và các DN QĐND nói riêng. Tuy nhiên các DNQĐ đã thể hiện được bản lĩnh anh bộ đội cụ Hồ trên mặt trận làm kinh tế. Trong năm qua, hầu hết các DNQĐ hoạt động ổn định và làm ăn có lãi. Nhiều DN QĐND Việt Nam lớn đã có những thành công đáng kể, như

Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) chiếm khoảng 40% doanh thu toàn quân năm 2008.

Năm 2008 là năm thứ tư liên tiếp Viettel đạt mức doanh thu năm sau cao gấp 2 lần so với năm trước. Doanh thu năm 2008 của Viettel ước đạt hơn 33.000 tỷ đồng, đạt 132% kế hoạch. Lợi nhuận của Viettel đạt 8.600 tỷ đồng, nộp ngân sách hơn 5.000 tỷ đồng. Đáng chú ý, Viettel là thương hiệu duy nhất Việt Nam lọt vào danh sách 100 thương hiệu viễn thông lớn nhất thế giới và đứng thứ 83/100. Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội cũng là một DN lớn của QĐND VN. Năm 2008, Công ty Xăng dầu Quân đội được Chính phủ quyết định chuyển đổi thành Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con. Công ty mẹ là doanh nghiệp Quốc phòng - an ninh toàn bộ vốn Nhà nước, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội chiếm khoảng 10% thị phần xăng dầu Việt Nam.

Vị trí thứ 3 là Tổng Công ty Đông Bắc. Công ty Đông Bắc thành lập từ năm 1994, là doanh nghiệp kinh tế - quốc phòng thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ: SXKD và huấn luyện quân dự bị động viên sẵn sàng chiến đấu. Năm 2006 chuyển hoạt động thành Tổng Công ty, có 17 doanh nghiệp thành viên và 2 chi nhánh lớn ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Tổng Công ty Đông Bắc có sản lượng than lớn nhất, doanh thu cao nhất, lợi nhuận nhiều nhất Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội (MB) cũng là một ví dụ điển hình về sự phát triển và tăng trưởng vững chắc. Trong 14 năm qua, MB liên tục giữ vững vị thế là một trong những Ngân hàng Thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam. Mặc dù có nhiều biến động và thử thách trong những năm qua nhưng MB đã khẳng định được bản lĩnh vững vàng, năng lực quản trị tốt và nổi lên là thương hiệu ngân hàng mạnh, tự tin vượt qua khó khăn thích ứng nhanh với sự thay đổi. Tốc độ phát triển hàng năm luôn đạt trên 30%. Năm 2009, MB đạt lợi nhuận trước thuế là 950 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 58.500 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 21.500 tỷ đồng và tổng vốn huy động đạt 45.000 tỷ đồng.

Xếp thứ 5 là Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn phát triển từ cơ ngơi ban đầu là quân cảng Sài Gòn được tiếp quản năm 1975 với hệ thống cầu tàu dài 1.200m, rộng 24m, 1 bến nghiêng rộng 40m, 8 kho hàng trên cầu tàu diện tích 16.800m²,... và những trang bị bốc dỡ mang tính dã chiến. Hiện nay, cảng Cát Lái của Tân Cảng Sài Gòn là cảng biển hàng đầu Việt Nam, có thiết bị và công nghệ quản lý hiện đại sánh ngang với các cảng tiên tiến trong khu vực. Năm 2008, sản lượng thông qua đạt hơn 28 triệu tấn, xếp trong Top 50 cảng biển hàng đầu thế giới. Năm 2009 sản lượng đạt hơn 31 triệu tấn, hiện chiếm 80 % thị phần xuất khẩu container của Thành phố Hồ Chí Minh và gần 50% thị phần cả nước.

Các DN lớn khác như Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn, Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu tổng hợp Vạn Xuân (VAXUCO), Tổng Công ty trực thăng Việt Nam, Tổng Công ty Thành An, Tổng Công ty 28... cũng đạt mức tăng trưởng cao. Số lượng các DNQĐ chiếm 1,3% trong bảng xếp hạng Top 1.000 DN lớn nhất Việt Nam năm 2009 nhưng doanh thu lại chiếm 2,1% tổng doanh thu. Tổng doanh thu Top 10 DNQĐ lớn nhất chiếm khoảng 72% doanh thu toàn quân năm 2008 [7].

Kinh nghiệm này cũng phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước Lào. Đảng và Nhà nước Lào nhấn mạnh và giao nhiệm vụ cho các DN QĐND Lào trong quá trình tham gia làm kinh tế, SXKD, phải luôn luôn coi mục tiêu hiệu quả kinh tế là quan trọng, là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình phát triển, thông qua hiệu quả kinh tế mà thực hiện hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện những nhiệm vụ khác. Kinh nghiệm của các DN QĐND Việt Nam là kinh nghiệm quý báu. Các DN QĐND Lào có thể học tập để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

1.2.2. Tận dụng những cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ hiện có để sản xuất phục vụ quốc phòng và sản xuất những hàng hóa mà thị trường có nhu cầu

Phần lớn các DNQĐ Việt Nam được hình thành từ các cơ sở sản xuất bảo đảm hậu cần, sửa chữa vũ khí, khí tài quân sự, các đơn vị quân đội đứng chân trên những

địa bàn chiến lược, thực hiện những nhiệm vụ SXKD, giúp nhân dân xóa đói giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Các DNQĐ được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù cho quốc phòng, đăng kí hoạt động trên nhiều ngành, nhiều lĩnh vực của nền kinh tế. Ngoài nhiệm vụ đóng góp cho ngành kinh tế, các doanh nghiệp còn phải thực hiện nhiệm vụ quốc phòng như: Sản xuất sửa chữa vũ khí, trang bị của quân đội, chuyển ngay sang chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu khi có tình huống. Nhiệm vụ làm kinh tế được xem như một biện pháp để giữ gìn năng lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng (do ngân sách, đơn hàng quốc phòng hằng năm ít). Vốn của các DNQĐ được hình thành từ nhiều ngành khác nhau, nhưng chủ yếu được hình thành từ kết quả lao động của các đơn vị. Nhìn chung, lúc đầu nguồn vốn còn nhỏ, nhưng do hoạt động sản xuất có hiệu quả, nên đến nay đã tăng lên hàng chục, thậm chí hàng trăm lần như Tập đoàn Viễn Thông Quân đội, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam, Tổng Công ty Đông Bắc, Công ty THH một thành viên Đầu tư xây lắp và Thương mại 36 (Tổng công ty Thành An), Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, các nhà máy sản xuất vũ khí, khí tài quân sự... Nói như một chuyên gia kinh tế thì việc tổ chức DNQĐ là “một mũi tên trúng hai đích, đích kinh tế và đích quốc phòng” [1].

Trong bức tranh chung của nền kinh tế đất nước, hoạt động của các DNQĐ được đánh giá hiệu quả xét trên các mặt: tạo vốn cho SXKD, tiền trả nợ ngân hàng, tiền lương cho lao động... Đó là những công việc mà một DN, doanh nhân quân đội cũng phải tính toán hàng ngày, nhưng họ đã biết cách vượt qua. Một số DN công nghiệp quốc phòng, hậu cần kỹ thuật trong điều kiện các đơn đặt hàng quốc phòng chỉ 10% nhưng luôn chủ động chiếm lĩnh thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, làm ra những sản phẩm mang thương hiệu quốc tế.

Một số DNQĐ đã đầu tư ra nước ngoài có hiệu quả như: Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế... Viettel trở thành DN viễn thông đầu tiên của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài có hiệu quả. Hiện Viettel đang triển khai mạng lưới và dịch vụ kinh doanh tại Lào, Campuchia, Hai-ti và đã được cấp giấy phép

tại Pêru, trúng thầu tại Mô-dăm-bích. Đến nay, Viettel đã đầu tư hơn 6.000 tỷ đồng xây dựng mạng truyền dẫn, mạng di động, mạng cố định và mạng internet, kết nối cáp quang giữa Việt Nam với nước Lào, Campuchia. Nhiều DN đặc biệt chú trọng mở rộng hợp tác quốc tế như Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Đơn vị đã thực hiện liên doanh với 3 hãng tàu lớn trên thế giới: I MOL (Nhật Bản), Hanjin (Hàn Quốc) và Wanhai (Đài Loan) theo phương thức liên doanh xây dựng cảng Tân Cảng - Cái Mép để đầu tư trang thiết bị và trực tiếp khai thác bến vững giữa nhà khai thác cảng và nhà vận tải trong hoạt động cung ứng dịch vụ trọn gói cho khách hàng.

Đến nay, nhiều DN QĐND Việt Nam đã khẳng định được thương hiệu của mình như Viettel, Tổng Công ty Tân Cảng, Tổng Công ty 15, Tổng Công ty Đông Bắc, Tổng Công ty Trường Sơn, Tổng Công ty Thành An, các Công ty 36, Tây Hồ, Vạn Tường, Phú Tài,... Các DN này đã và sẽ vẫn là một bộ phận quan trọng của DNNN, mang đặc thù quốc phòng, như Đại tướng Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng BQP khi đến tham dự Lễ kỷ niệm 55 năm Ngày truyền thống Bộ đội sản xuất, xây dựng kinh tế đã chỉ đạo *“các DNQĐ phải phấn đấu trở thành những doanh nghiệp mạnh, cùng các doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo của nền kinh tế” [2]*.

Một cách khác để phát huy năng lực vốn có của quân đội là lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ. Ở Việt Nam, quân đội là nơi thu hút được nhiều thanh niên tri thức trẻ vào hàng ngũ của mình. Thanh niên Việt Nam sau bậc học phổ thông, nhiều người đã nộp đơn và thi đỗ vào các học viện kỹ thuật quân sự và có khả năng trở thành những nhà khoa học giỏi. Các học viện khoa học kỹ thuật quân sự ở Việt Nam là nơi tập trung nhiều nhà khoa học công nghệ xuất sắc. Từ đây, nhiều công trình nghiên cứu hoặc nghiên cứu ứng dụng được hoàn thành, tạo nên những tiến bộ khoa học kỹ thuật cao, được áp dụng trong cả lĩnh vực quốc phòng và trong lĩnh vực kinh tế, đem lại hiệu quả kinh tế rất tích cực. Đây cũng là một lĩnh vực rất quan trọng mà các DN QĐND Lào có thể học tập, rút kinh nghiệm để áp dụng vào quá trình phát triển của mình.

1.2.3. Luôn đổi mới các doanh nghiệp quân đội nhằm ngày càng trở nên năng động hơn, hiện đại hơn, phù hợp hơn với thực tiễn kinh tế trong nước và trên thế giới

Việc đổi mới, trước hết là việc sắp xếp lại DNQĐ, được coi là vấn đề sống còn đối với các doanh nghiệp QĐND Việt Nam. Kết quả là sự ra đời của những DNQĐ to lớn hơn cả về quy mô vốn và những lĩnh vực kinh doanh làm cho hiệu quả sản xuất được tăng lên rõ rệt. Những DNQĐ nào kinh doanh kém hiệu quả đều được xác minh rõ ràng, tìm ra nguyên nhân làm ăn chưa hiệu quả, rồi sau đó quyết định hướng xử lý hoặc là giải thể hay cho thôi chức năng nhiệm vụ làm kinh tế hoặc sẽ được sát nhập với những đơn vị khác. Quá trình các DNQĐ ở Việt Nam cũng là quá trình sàng lọc, tổ chức, sắp xếp lại lực lượng làm kinh tế. Quá trình này cho đến nay vẫn đang tiếp tục.

Cuối cùng là bài học kinh nghiệm lớn nhất của các doanh nghiệp QĐND Việt Nam đúc rút được đó là vấn đề gắn liền nhiệm vụ kinh tế với an ninh quốc phòng. Đây là kinh nghiệm quý báu cần tập trung nghiên cứu, phân tích, với mong muốn áp dụng vào sự phát triển các doanh nghiệp QĐND Lào cho đúng hướng và đạt kết quả cao.

Quân đội Nhân dân Việt Nam luôn luôn nhấn mạnh và tập trung vào vấn đề gắn liền nhiệm vụ kinh tế với nhiệm vụ an ninh quốc phòng và đã tìm ra được nhưng giải pháp rất hiệu quả để thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đó. Hai giải pháp cơ bản là: *Thứ nhất*, giao cho một số đơn vị triển khai mô hình quân đội làm nhiệm vụ kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng trên những địa bàn chiến lược trọng yếu. *Thứ hai*, tập trung các nguồn lực của nhà nước, quân đội và những lực lượng tại chỗ để xây dựng những khu kinh tế quốc phòng. Trong chuyên đề này, đối với mỗi giải pháp, chúng tôi xin đưa ra ví dụ điển hình, thành công nhất.

Điển hình cho giải pháp thứ nhất là thành tích của Binh đoàn 15, đóng quân trên địa bàn Tây Nguyên [14]. Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược trọng yếu của Việt Nam, xét từ kinh tế xã hội cũng như quân sự. Đây là một vùng đất bazan màu

mỡ nổi tiếng, bao gồm một vùng rộng lớn của tỉnh Kontum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. Vùng này có nhiều dân tộc ít người sinh sống phía đông dãy Trường Sơn, có nhiều ưu thế về kinh tế lâm nghiệp, cây công nghiệp, chăn nuôi những loài gia súc lớn và cũng là vùng có nhiều khoáng sản quý. Do trình độ dân trí còn thấp và cũng còn do kinh tế xã hội chậm phát triển, nhiều thế lực chống phá cách mạng hay lợi dụng để gây nên tình trạng bất ổn, phá hoại công cuộc phát triển đất nước. Đảng và nhà nước Việt Nam từ lâu đã xác định tầm quan trọng chiến lược của địa bàn này và quyết tâm xây dựng, phát triển Tây Nguyên. Binh đoàn 15 của quân đội đã được giao trọng trách đóng quân trên địa bàn này, hoàn thành nhiệm vụ làm kinh tế quốc phòng.

Sau gần 20 năm thực hiện nhiệm vụ, đến nay Binh đoàn 15 đã đứng vững trên địa bàn gồm 7 huyện, 22 xã thuộc các tỉnh Kontum, Gia Lai, Đắk Lắk, với chiều dài đường biên 350 cây số với Lào và Campuchia. Binh đoàn đã xây dựng được 9 công ty, kinh doanh trên các lĩnh vực lâm nghiệp, trồng và bảo vệ rừng, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và dịch vụ, với 1 nhà máy phân vi sinh, 2 nhà máy chế biến mủ cao su, 1 xí nghiệp khảo sát thiết kế công trình, 2 bệnh viện, 7 bệnh xá. Binh đoàn đã trồng được 23000 ha cây cao su, hiện đã được khai thác, cùng 2500 ha cà phê, 100 ha lúa nước. Binh đoàn còn xây dựng được 3 nhà máy thủy điện công suất 560KW, nhiều hồ chứa nước dùng cho tưới tiêu và sinh hoạt, cùng hơn 400 km đường giao thông mới được mở... Đạt được thành tích về kinh tế còn ít, nhưng có ý nghĩa xã hội là rất lớn, tạo lòng tin của người dân đối với các DNQĐ.

Thành tích về mặt xã hội của Binh đoàn 15 cũng rất xuất sắc. Đóng góp của Binh đoàn vào sự nghiệp xóa đói giảm nghèo của các địa phương được đánh giá là không kém gì thành tích về kinh tế. Binh đoàn đã vận động được 4000 hộ dân với 8000 lao động của 104 làng, 22 xã thuộc 7 huyện, trên các tỉnh Kontum, Gia Lai, Đắk Lắk kết hợp hoặc trở thành công nhân trồng cao su, cà phê, tạo cho họ nguồn thu nhập ổn định, bền vững cao hơn hẳn thu nhập của đồng bào trước đây.

Những thành tựu mà Binh đoàn đạt được đã góp phần quyết định, làm ổn định cả một vùng rộng lớn trước đây thường có nguy cơ bất ổn. Vùng đất này đã trở

thành một vùng kinh tế hiệu quả cao; người dân tin tưởng vào đường lối của Đảng và Nhà nước; an ninh chính trị và trật tự xã hội ổn định; thể trận quốc phòng được củng cố vững chắc.

Điển hình cho giải pháp thứ hai là trường hợp của Binh đoàn 16 ở phía Nam Tây Nguyên. Thành tích của Binh đoàn là xây dựng thành công khu kinh tế quốc phòng. Theo Quyết định số 175/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 150 của Quân ủy Trung ương, Binh đoàn đã nỗ lực chuẩn bị các điều kiện vật chất và cơ sở xã hội để xây dựng thành công một khu vực kinh tế quốc phòng kiểu mẫu. Về cơ sở địa bàn, Binh đoàn đã chủ động liên hệ với địa phương để hoàn thiện thủ tục pháp lý cho vùng đất dự án, không thể xảy ra tranh chấp đất đai với dân, vấn đề mà chính quyền địa phương quản lý khu vực dự án xét về nguyên tắc lãnh thổ quan tâm. Về mặt luật pháp, Bộ Quốc phòng chỉ sử dụng những khu đất để xây dựng doanh trại là đất quốc phòng, còn lại những diện tích đất để làm kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất kinh doanh sẽ được nhà nước giao lại cho các DNQĐ quản lý theo Luật Đất đai. Về cơ chế vận hành, khu kinh tế quốc phòng được hưởng những quy định đặc biệt dành riêng cho mình. Bộ Quốc phòng giao cho các Quân khu làm chủ đầu tư các dự án xây dựng các khu kinh tế quốc phòng. Các Quân khu có thể đứng ra thành lập các công ty, rồi giao cho công ty đứng làm chủ các dự án nhỏ, cụ thể. Các công ty chính là đơn vị trực tiếp thực hiện dự án. Nếu là công ty kinh doanh không phải thuộc lĩnh vực nông nghiệp thì trực tiếp trả lương cho những lao động hợp đồng làm việc cho mình. Nếu là những công ty kinh doanh nông nghiệp hay lâm nghiệp thì làm theo lối khoán đến tận hộ gia đình tham gia vào dự án. Cụ thể là, họ được hưởng lợi ích từ kết quả sản xuất trực tiếp của họ đã được thỏa thuận trước trong hợp đồng giữa họ với công ty.

Trong trường hợp Binh đoàn 16 ở Nam Tây Nguyên, sau 10 năm hoạt động, binh đoàn đã ổn định sản xuất, trồng mới được 500 ha cà phê, 30 ha hồ tiêu, 7000 m² trụ sở, đưa gần 300 hộ gia đình chủ yếu là đồng bào các dân tộc ít người tham gia vào dự án [12]. Theo cách làm này, sau khi hoàn thành dự án, quân đội sẽ giao

lại cho địa phương. Đơn vị thực hiện dự án sẽ rút khỏi vị trí chủ dự án, chỉ trở thành một đơn vị làm kinh tế, còn lại địa phương sẽ tiếp tục đứng ra duy trì và phát huy những kết quả kinh tế xã hội đã đạt được. Cách làm này cũng là một kinh nghiệm thật sáng tạo, mà các doanh nghiệp QĐND Lào nghiên cứu vận dụng.

1.3. Doanh nghiệp Quân đội Nhân dân Lào

1.3.1. Khái niệm và các loại hình doanh nghiệp quân đội Lào

Để có được một định nghĩa khoa học về khái niệm DNQĐ, tức là trả lời cho câu hỏi “DNQĐ là gì?”, còn phải có một quá trình nghiên cứu công phu hơn nữa. Nhưng, dựa trên quá trình thu thập tài liệu công phu, nghiên cứu và kinh nghiệm xây dựng và phát triển gần 30 năm của các doanh nghiệp QĐND Lào, có thể hiểu DNQĐ Lào như sau: “*DNQĐ Lào là một loại hình của DNNN. Đó là một tổ chức kinh tế hạch toán độc lập, được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm. DNQĐ là các đơn vị kinh tế mang tính chất đặc thù để thực hiện các hoạt động kinh tế và nhiệm vụ quốc phòng theo pháp luật và các quy định của BQP. Hoạt động kinh doanh của các DNQĐ luôn chịu sự chi phối đồng thời của cả hệ thống quy luật của kinh tế thị trường và hệ thống quy luật quân sự*”. Khái niệm này sẽ được sử dụng một cách thống nhất trong luận án. Như vậy, DN QĐND Lào, trước hết vẫn là một đơn vị cơ sở của QĐND Lào hoặc chịu sự chi phối ở những mức độ khác nhau của Bộ Quốc phòng Lào hay những cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng”.

Hiện nay các DNQĐ Lào gồm 3 loại hình chính:

Một là, doanh nghiệp kinh tế quốc phòng.

Hai là, DNQĐ sản xuất kinh doanh (bao gồm DNQĐ do nhà nước đầu tư 100% vốn và DNQĐ hỗn hợp - có vốn nước ngoài hợp tác).

Ba là, doanh nghiệp sản xuất quốc phòng theo chế độ hành chính bao cấp.

1.3.2. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào

Nghiên cứu về đặc điểm của các DN QĐND Lào có thể nhìn từ sự khác biệt với các DN thông thường khác, về mục tiêu của DNQĐ, nguồn gốc của các DN này.

1.3.2.1. Doanh nghiệp quân đội Lào vừa thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, vừa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

Đây có thể nói là một đặc trưng của DNQĐ so với các loại hình DN khác. DNQĐ Lào vừa có đặc điểm của một DN thông thường, vừa là một đơn vị quân đội. Với tư cách là một DN, DNQĐ phải chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường. Sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai là do thị trường quyết định để tạo ra sản phẩm phục vụ xã hội và đóng góp ngân sách. DNQĐ vẫn phải thực hiện hạch toán kinh tế trên cơ sở chi phí và doanh thu để tính toán hiệu quả hoạt động của mình. Với tư cách là đơn vị quân đội, DNQĐ vẫn phải thực hiện nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, bảo đảm chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Thông qua những khía cạnh đã nêu trên, DN QĐND Lào vừa là một đơn vị kinh tế, vừa là một đơn vị quân đội hoặc chịu sự chi phối của quân đội, bản thân nó phải đáp ứng cả những nhiệm vụ quốc phòng, cả những nhiệm vụ kinh tế, như là một tổ chức xã hội rất linh hoạt, sẵn sàng làm những công việc có ý nghĩa kinh tế và xã hội tích cực.

Khi nghiên cứu về các DNQĐ Lào, chúng ta cần nhấn mạnh DN QĐND Lào trước hết vẫn là một đơn vị cơ sở của QĐND Lào, chịu sự chi phối ở những mức độ khác nhau của BQP Lào hay những cấp trực thuộc BQP. Thông qua những khía cạnh đã nêu trên, DN QĐND Lào vừa là một đơn vị kinh tế, vừa là một đơn vị quân đội hoặc chịu sự chi phối của quân đội, bản thân nó phải đáp ứng cả những nhiệm vụ quốc phòng, cả những nhiệm vụ kinh tế, như là một tổ chức xã hội rất linh hoạt, sẵn sàng làm những công việc có ý nghĩa kinh tế và xã hội tích cực.

1.3.2.2. Doanh nghiệp quân đội vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, vừa hoạt động theo những quy định của Bộ Quốc phòng

Xuất phát từ đặc điểm thứ nhất, đó là DNQĐ Lào vừa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa phải thực hiện các nhiệm vụ phục vụ quốc phòng. Cho nên DNQĐ vừa phải hoạt động theo Luật Doanh nghiệp như những doanh nghiệp khác, vừa phải thực hiện theo những quy định của Bộ Quốc phòng.

Nhiệm vụ chính trị của DNQĐ là thực hiện những nhiệm vụ quốc phòng như trực tiếp huấn luyện chính trị và quân sự, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đáp ứng những nhiệm vụ đột xuất mà BQP hay các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương yêu cầu như chống thiên tai, đi tiên phong trong các công tác xã hội cần thiết hay cấp bách.... Bởi vì, sự nghiệp quốc phòng có khi cần phải giành ưu tiên, giành cho nó sự quan tâm lãnh đạo và những ưu tiên vật chất, chính sách, cơ chế để gấp rút hoàn thành những mục tiêu tăng cường quốc phòng. Như vậy, không giống như các doanh nghiệp khác, DNQĐ không hoàn toàn được chủ động trong sản xuất kinh doanh mà vẫn phải thực hiện theo mệnh lệnh của quân đội. Đồng thời, liên quan đến nguồn vốn của nhà nước trong các DNQĐ, khi thực hiện hạch toán kinh tế, DNQĐ cũng phải thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, tránh tình trạng sử dụng nguồn vốn và tài sản của quân đội để thu lợi ích kinh tế cục bộ của DNQĐ đó. Ngoài ra, DNQĐ được thành lập và phân cấp quản lý theo hệ thống dọc từ BQP trở xuống. Vì vậy các DNQĐ chịu sự ràng buộc chặt chẽ của Bộ quốc phòng về mặt tổ chức và nhiệm vụ, phải chấp hành những quy định của BQP và chịu sự lãnh đạo tuyệt đối của Bộ quốc phòng.

Mặt khác, các DNQĐ dù kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất hay kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ thì đã trở thành một cơ sở sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. Do đó, DNQĐ vẫn đồng thời phải thực hiện những nhiệm vụ của một cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật như: thực hiện nghĩa vụ thuế, kiểm toán, thanh quyết toán, bảo vệ môi trường,...

1.3.2.3. Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào là hiệu quả kinh tế và hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng

Với đặc điểm là một đơn vị quân đội làm kinh tế, cho nên không giống như một DN thông thường chỉ hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, mục tiêu hoạt động của DNQĐ là hoàn thành nhiệm vụ phục vụ quốc phòng và mục tiêu hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các DNQĐ trong khi hoạt động luôn luôn bám sát vào mục tiêu kết hợp giữa kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng, mà thực chất thì nhiệm vụ quốc phòng vẫn là mục đích chủ yếu. Điều đó không có nghĩa là, coi nhiệm vụ kinh tế là thứ yếu, vì đã thành lập một DN tức là hoạt động của DN là kinh doanh. Khi đã kinh doanh thì phải nghĩ tới hiệu quả kinh tế. Hiệu quả kinh tế trong hoàn cảnh kinh tế thị trường là lợi nhuận. Lợi nhuận được sử dụng vào những mục đích phục vụ cho những nhiệm vụ của quân đội như nâng cao đời sống của bộ đội, phục vụ cho những nhiệm vụ cụ thể nào đó của các đơn vị, tăng cường hay hỗ trợ cho ngân sách quốc phòng.

- Có những trường hợp, DNQĐ không phải lúc nào cũng đặt ra mục tiêu giành lấy lợi nhuận là chủ yếu. Có những mặt hàng quân đội hay xã hội có nhu cầu nhiều, nhưng khi sản xuất những mặt hàng này thì lợi nhuận không nhiều. Trong trường hợp này, các DN ngoài quân đội thường không sản xuất, nhưng rất có thể các DNQĐ lại phải sản xuất, vì làm như thế, dù không có nhiều lợi nhuận, nhưng lại góp phần tích cực vào đáp ứng nhu cầu của xã hội, góp phần tốt cho nền kinh tế quốc dân.

- Đối với các DNQĐ, mối quan hệ giữa nhiệm vụ kinh tế và nhiệm vụ quốc phòng còn được thể hiện trong trường hợp ưu tiên nhiệm vụ làm động lực cho một vùng hay một lĩnh vực nào đó để phát triển kinh tế. Ví dụ, ngày 29 tháng 8 năm 1984[69], Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng CHDCND Lào đã ký Quyết định số: 188/HĐBT về việc thành lập Công ty Phát triển miền núi. Sau này Công ty đã phát triển thành một Tổng Công ty. Đây là doanh nghiệp quân đội đầu tiên được thành lập để làm nhiệm vụ xây dựng hậu phương chiến lược, xây dựng kinh tế gắn liền với công tác quốc phòng – an ninh, phát triển nông thôn, miền núi vùng đồng bào dân tộc ở các huyện ở phía đông của đất nước, tập trung ở 3 huyện của tỉnh Bo Li Khăm Xây và tỉnh Khăm Muôn. Sau đó, để phát triển nhân rộng mô hình và kinh nghiệm của Tổng công ty Phát triển miền núi, ngày 4 tháng 5 năm 1989, Chính phủ CHDCND Lào ban hành Chỉ thị số 73 về việc thành lập DNQĐ thứ hai [69]. Đó là Công ty Phát triển Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Công nghiệp toàn diện(Miền Nam). Sau này Công ty đã phát triển

thành một Tổng Công ty. Trong quyết định này, Chính phủ đã nhấn mạnh rất rõ nhiệm vụ của Công ty là, phối hợp với Đảng uỷ, chính quyền 5 tỉnh ở Nam Lào gồm các tỉnh Champasắc, Áttapur, Sêkong, Xalavăn, Savănnakhê triển khai các công trình kinh tế kết hợp với công tác quốc phòng. Trường hợp của một công ty khác là Công ty phát triển Nông - Lâm nghiệp và Dịch vụ xuất nhập khẩu (Miền Bắc) cũng vậy. Công ty này được Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập vào ngày 4 tháng 6 năm 1989 [69]. Nhiệm vụ mà Bộ quốc phòng giao cho Công ty này là, đóng trên địa bàn 3 huyện phía Nam của tỉnh Xaynhabuly, có trách nhiệm vừa tổ chức hậu cần cho việc sẵn sàng chiến đấu, vừa phối hợp với địa phương xây dựng các cơ sở kinh tế nông - lâm nghiệp, dịch vụ và xây dựng mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Đến năm 1994, Đảng và Nhà nước lại giao thêm cho Công ty nhiệm vụ tham gia xây dựng và phát triển kinh tế tại các tỉnh phía Bắc.

1.3.2.4. Các doanh nghiệp quân đội Lào được hình thành từ các nguồn gốc khác nhau

Xét theo nguồn gốc, các DNQĐ Lào gồm 2 nhóm. Nhóm thứ nhất là các DNQĐ được thành lập dựa trên cơ sở sẵn có của một số đơn vị hậu cần, thuộc Tổng cục Hậu cần của QĐND Lào, và nhóm thứ hai là những DNQĐ mới được thành lập do nhu cầu trực tiếp của việc kết hợp kinh tế và quốc phòng.

- Các DNQĐ được thành lập dựa trên cơ sở sẵn có của một số đơn vị hậu cần, thuộc Tổng cục Hậu cần của QĐND Lào. Đó là: 1/ Xí nghiệp Dược phẩm 10; 2/ Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu quân đội; 3/ Xí nghiệp Dược phẩm 104 có tiền thân là Bệnh viện Đông y 104 trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, được thành lập vào ngày 10/5/1970. Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, bệnh viện này được chuyển về Thủ đô Viêng Chăn. Vào ngày 15-01-1979, được đổi tên thành Xí nghiệp sản xuất Dược phẩm 104, có nhiệm vụ chế biến thuốc y dược cổ truyền theo sự chỉ đạo của Cục quân y, Tổng cục Hậu cần QĐND Lào. Sản phẩm của Xí nghiệp chủ yếu để phục vụ cho nhu cầu của Quân đội và cũng cố gắng đáp ứng một phần nhu cầu chung của xã hội. Đến ngày 26 tháng 3 năm

1986, Xí nghiệp mới bắt đầu chuyển sang hạch toán kinh doanh. Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu quân đội là DN quốc doanh, có tiền thân là Ban bảo đảm lương thực thực phẩm của Tổng cục Hậu cần, được chuyển thành Công ty Thương mại từ 1998. Lúc đầu, Công ty vẫn hoạt động có mục đích không phải là lợi nhuận, mà là bảo đảm phục vụ cho các đơn vị, tổ chức xung quanh Bộ Quốc phòng, trong phạm vi Thủ đô Viêng Chăn. Đến năm 2002, Công ty Thương mại đổi tên là Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu quân đội theo Quyết định số: 17/BQP ngày 8-1-2002, với số vốn Bộ Quốc phòng cấp hoàn toàn, giao cho Tổng cục Hậu cần quản lý vĩ mô, hoạt động theo quy định của Luật DN. Công ty Hàng không Lào được thành lập theo Quyết định số: 6259/BQP, ngày 19-12-2001, không phải theo hình thức chuyển một đơn vị quân đội, mà là tập hợp những đơn vị nhỏ làm nhiệm vụ vận tải quân sự, có truyền thống vẻ vang 30 năm hoạt động. Cả về tổ chức và về cơ sở vật chất kỹ thuật, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong thời gian đầu, nhưng với tinh thần khắc phục khó khăn rất cao, Công ty đã vượt qua mọi trở ngại, hoàn thành tất cả nhiệm vụ được giao, kinh doanh hiệu quả, năm sau cao hơn năm trước. Cho đến nay, Công ty đã có số tài sản cố định khá lớn, không chỉ là đơn vị tự cung tự cấp 100%, mà Công ty còn tuân thủ rất tốt pháp luật kinh doanh, hạch toán kinh tế và làm nghĩa vụ nộp ngân sách.

Ngoài các doanh nghiệp kể trên, còn có một số DNQĐ khác như: 1/ Xí nghiệp May số 1 Quân đội, tiền thân là Đội may mặc Quân đội, 2/ Xí nghiệp Hữu nghị Lào-Việt Nam được thành lập từ việc chuyển Đội sửa chữa xe máy Quân đội sang nhiệm vụ kinh doanh, 3/ Xí nghiệp Pa-sản-lầu Quân đội thuộc Tổng cục Hậu cần, tiền thân là Đội sửa chữa, phục hồi phương tiện kỹ thuật Quân sự do Liên Xô giúp trang thiết bị kỹ thuật, máy móc... [70].

- Những DNQĐ mới được thành lập do nhu cầu trực tiếp của việc kết hợp kinh tế và quốc phòng, với hai loại nguồn gốc kinh doanh chính là các DN do Bộ Quốc phòng trực tiếp ra quyết định thành lập và các DN liên doanh với nước ngoài. Ở đây, luận án không phân tích thêm về nguồn gốc của các DNQĐ có vốn hoàn toàn

từ trong nước, chỉ nói thêm về các DN liên doanh với nước ngoài, chủ yếu là liên doanh với Việt Nam và Trung Quốc. Một số DNQĐ tiêu biểu thuộc loại này là các Công ty sau đây:

+ Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Lào-Jun, được thành lập theo hợp đồng liên doanh ký kết ngày 22/10/1993 giữa Cục Công nghiệp Bộ Quốc phòng, CHDCND Lào với Phòng Công nghiệp khoa học kỹ thuật quốc phòng tỉnh Vân Nam - Trung Quốc và theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 544/ĐT-100-94 do Ủy ban quản lý đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 11-10-1994. Số vốn đăng ký ban đầu là 3.290.000 USD, trong đó Bộ Quốc phòng Lào chiếm giữ 30% cổ phần, phía Trung Quốc chiếm giữ 70% cổ phần.

+ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Lào - Hùng là DN liên doanh giữa Cục Quản lý kinh tế Bộ Quốc Phòng Lào với Công ty Công nghiệp - Xuất Nhập khẩu Vân Linh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, được Ủy ban quản lý đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước CHDCND Lào cấp Giấy phép đầu tư nước ngoài số 1103/ĐT, ngày 26-2-2001. Phía Bộ Quốc phòng CHDCND Lào nắm giữ 30% cổ phần, phía Trung Quốc nắm giữ 70% cổ phần. Công ty này được quản lý theo luật pháp, chỉ đạo trực tiếp là Cục Công nghiệp Quốc phòng thuộc Tổng cục Hậu cần.

+ Công ty Liên doanh 20-1 được thành lập theo Hợp đồng liên doanh ký ngày 06-12-2000 giữa Tổng cục Hậu cần QĐND Lào với công ty Dệt kim Hà Nội, CHXHCN Việt Nam, theo quyết định số 1525/BQP ngày 08/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 1085-426/UBHT-ĐT do Ủy ban hợp tác và Đầu tư CHDCND Lào ký ngày 17/01/2001. Trong liên doanh này, phía Lào và phía Việt Nam mỗi bên đều nắm giữ 50% cổ phần.

1.3.3. Vai trò của doanh nghiệp quân đội Lào

Mặc dù mới chỉ bắt đầu có DN đầu tiên từ năm 1984, tiềm lực kinh tế nhỏ bé, không thể so sánh được với các DNQĐ ở Trung Quốc hay ở Việt Nam, nhưng bước đầu, các doanh nghiệp QĐND Lào đã thể hiện vai trò tích cực của mình đúng như định hướng của Đảng, Nhà nước và Bộ quốc phòng Lào.

1.3.3.1. Tiên phong trong việc kết hợp nhiệm vụ quốc phòng và kinh tế

Đây có thể nói là vai trò chủ yếu nhất và quan trọng nhất của các DNQĐ Lào. Chủ tịch Kham Tày Xi Phăn Đon đã giao nhiệm vụ cho quân đội: “Khi đất nước từ chiến tranh chuyển sang thời bình, QĐND phải thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong xây dựng và phát triển kinh tế đất nước quân đội đã không ngừng tỏ ra là một trong những lực lượng nòng cốt và đi tiên phong” [35]. Đây là hai nhiệm vụ có mối liên hệ rất mật thiết, hỗ trợ cho nhau, nhiệm vụ này làm tiền đề, làm cơ sở, hỗ trợ cho nhiệm vụ kia, làm cho đất nước vừa phồn vinh, phát triển, vừa giữ gìn tốt nền độc lập của Tổ quốc Lào, giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội. Các DN QĐND Lào là bộ phận tiên phong trên mặt trận này.

DNQĐ đầu tiên được thành lập đã thể hiện rõ tư tưởng kiên quyết đảm nhiệm vai trò này. Ngay cái tên gọi của nó đã là Công ty Phát triển Miền Núi (nay là Tổng Công ty Phát triển Miền Núi), với nhiệm vụ được giao là phối hợp chặt chẽ với Đảng uỷ, chính quyền địa phương để khai thác mọi thế mạnh tài nguyên thiên nhiên trong tỉnh Bolykhamxây và các vùng lân cận, thực hiện phương hướng kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, từng bước cải thiện toàn diện đời sống sinh hoạt của nhân dân các bộ tộc. Phát huy truyền thống của quân đội, Công ty chấp nhận hoạt động trên một vùng xa xôi, hẻo lánh, giao thông rất khó khăn, đời sống nhân dân rất thiếu thốn, vất vả lại có nhiều kẻ thù trà trộn, phá hoại. Nhưng Công ty đã trụ vững và phát triển rất tốt, không chỉ làm tài sản của mình tăng lên nhiều lần, nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước, mà còn hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển nông thôn và miền núi, biến vùng cây số 20 từ chỗ là vùng thôn hẻo lánh trở thành một thị xã tươi đẹp. Đời sống nhân dân khu vực này được nâng cao rõ rệt, an ninh trật tự rất tốt. Nhiều khách nước ngoài phải đến đây nghiên cứu.

Còn nhiều DNQĐ khác cũng gặt hái được thành công như Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Quân đội, Công ty Phát triển nông - lâm nghiệp và dịch vụ xuất nhập khẩu ở Xâynhabuly, Công ty Hàng không Quân đội, Công ty liên doanh Dệt - Nhuộm Lào - Việt, Công ty Xăng dầu Viên Chăn... Tất cả đều thể hiện rất rõ rệt vai trò tiên phong trong nhiệm vụ kinh tế kết hợp kinh tế với quốc phòng, đều

được Nhà nước và quân đội đánh giá cao. Trong tương lai phát triển của đất nước, vai trò này cần phải được đề cao hơn.

1.3.3.2. Tạo ra sản phẩm cho xã hội và giải quyết việc làm

DNQĐ là cơ sở kinh tế của Nhà nước hoạt động trong quân đội, có chức năng sản xuất và cung ứng sản phẩm/dịch vụ phục vụ quốc phòng. Đây là những loại sản phẩm/dịch vụ mà các doanh nghiệp tư nhân không muốn làm hoặc không có khả năng làm. Trong thời bình, các DNQĐ ngoài nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, còn trực tiếp tạo ra sản phẩm/dịch vụ phục vụ thị trường và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, tham gia xuất khẩu, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. DNQĐ góp phần tạo việc làm cho xã hội, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, giúp người lao động có thu nhập và cuộc sống ổn định. Sự đóng góp cụ thể của DNQĐ Lào trong việc tạo sản phẩm và việc làm cho xã hội được trình bày ở Chương 2 của luận án.

1.3.3.3. Đóng góp vào ngân sách nhà nước và giảm gánh nặng ngân sách quốc phòng

DNQĐ thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra hiệu quả kinh tế cụ thể thể hiện qua lợi nhuận, đóng góp vào ngân sách quốc gia, qua các nghĩa vụ được luật pháp quy định, góp phần làm giảm gánh nặng ngân sách quốc phòng cho nhà nước. Chúng ta không thể trông đợi ngay và mong muốn sớm rằng, các DNQĐ phải đóng góp thật nhiều vào ngân sách, bởi vì các DNQĐ bắt đầu hoạt động chưa lâu, lại ít được tập trung đầu tư, cơ sở vật chất ban đầu thường rất nhỏ bé, nghèo nàn, công nghệ lại quá lạc hậu. Có lẽ công bằng hơn là ý nghĩa kinh tế xã hội của sự đóng góp nhỏ nhoi đó. Thường thì hoạt động quốc phòng phải là hoạt động được bao cấp hoàn toàn, nhưng các DNQĐ phần lớn đã tự trang trải được kinh phí hoạt động, trả lương cho tất cả bộ máy từ lãnh đạo cho đến cán bộ, nhân viên, công nhân, lại đóng góp nghĩa vụ thuế và lợi nhuận cho ngân sách và cho Bộ Quốc phòng. Điều này chưa từng có từ trước đến nay, đồng thời gợi ra rất nhiều suy nghĩ về vấn đề vai trò của quân đội trong thời bình, bổ sung cho những suy nghĩ chiến lược về sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

1.3.3.4. Đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước

Vai trò này các doanh nghiệp QĐND Lào mới tiếp xúc và còn nhiều hạn chế, chưa thể hiện nhiều, nhưng xét về khả năng thì các DNQĐ rất có rất nhiều tiềm năng, lợi thế để phát huy để có vai trò tích cực của mình đối với sự nghiệp phát triển kinh tế quốc dân của Lào. Thực tế những năm qua cho thấy, vai trò này đã được thể hiện, mặc dù quy mô và chất lượng chưa có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế. Có thể thống kê một số hoạt động trong lĩnh vực hội nhập kinh tế của một số DN QĐND Lào như sau:

+ Công ty TNHH xuất nhập khẩu Lào - Yun, được phép liên doanh với phòng công nghiệp khoa học kỹ thuật quốc phòng tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, ký kết ngày 22/10/1993, với số vốn ban đầu là 3,29 triệu USD. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã tiếp thu được công nghệ sản xuất vật liệu nổ, công nhân Lào được đào tạo, tập huấn thành thực tay nghề về chuyên môn, kỹ thuật. Sản phẩm do Công ty sản xuất ra đạt tiêu chuẩn quốc tế, giành được tín nhiệm không chỉ ở các khách hàng trong nước, mà còn của cả bạn hàng quốc tế. Vậy là, qua con đường hợp tác như thế này, công nghệ sản xuất vật liệu nổ của Lào đã tìm được con đường đi tắt rất nhanh để theo kịp với trình độ trong khu vực [70].

+ Công ty Liên doanh Dệt - Nhuộm Lào - Việt Nam được thành lập theo Hợp đồng liên doanh số 01/LV ngày 15/06/2005. Ngay sau khi được thành lập, Công ty đã lắp đặt 34 máy dệt hiện đại, với năng lực sản xuất 3 triệu mét vải/năm. Xưởng nhuộm màu và hoàn thiện vải cũng được trang bị thiết bị hiện đại và đồng bộ, với năng lực sản xuất hàng năm đạt 5 triệu mét vải các loại. Đây được coi là bước phát triển có tính chất bước ngoặt, bởi vì trước đó, năng lực sản xuất trong lĩnh vực này ở Lào rất nhỏ bé, công nghệ thì lạc hậu [70].

+ Sự phát triển và trưởng thành của Công ty Hàng không Lào cũng là một ví dụ tốt cho vai trò hội nhập kinh tế của các DNQĐ. Ngành vận tải bằng máy bay lên thẳng ở Lào tuy đã có 30 năm lịch sử, nhưng vẫn còn rất nhỏ bé. Trước yêu cầu mới, Công ty Hàng không Lào đã được thành lập, với nhiệm vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá, bưu kiện, cầu nâng và các cấu kiện xây dựng, bay khảo sát, tìm

kiểm thăm dò, bay cứu nạn, dịch vụ cứu thương theo mọi phương thức, kể cả phương thức bất thường (Non schedule Flight) và cả phương thức dịch vụ thường xuyên theo kế hoạch (Schedule Flight), cả trong nội bộ Lào và cả quốc tế, tùy theo năng lực, thời tiết và sự phù hợp. Cán bộ lãnh đạo và nhân viên Công ty đã nỗ lực nhiều và tốt để vươn lên làm chủ được các thiết bị hiện đại của ngành hàng không, cho đến nay đã vận hành an toàn và vận hành tốt 8 máy bay, từ loại Mi-17, AS 350 đến Cessna Grand Caravan, với hiệu quả kinh tế cao [70].

Trải qua 30 năm phát triển, do yêu cầu từ thực tiễn và đòi hỏi của nhiệm vụ góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, các DNQĐ đã phát triển dần dần. Ngày nay, đã có tới 31 DN kinh doanh trên nhiều lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, có vai trò ngày càng quan trọng hơn về mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Có thể nói, các DNQĐ đã trở thành một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế quốc dân Lào, đang ngày càng lớn mạnh. Chắc rằng, trong tương lai vai trò của các DNQĐ Lào sẽ ngày càng có ý nghĩa hơn.

1.4. Phát triển các doanh nghiệp quân đội Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế là nhu cầu từ thực tiễn ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào

Mục 1.4 “Phát triển các DNQĐ Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế là nhu cầu từ thực tiễn ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào” bao gồm các tiêu mục: 1/ Tính tất yếu phát triển DN QĐND Lào; 2/ Phát triển DN QĐND Lào; 3/ Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của DN QĐND Lào; và 4/ Hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của DN QĐND Lào.

1.4.1. Tính tất yếu phát triển doanh nghiệp quân đội Lào

Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Lào đang diễn ra ngày càng sâu rộng, ngày càng giành được những thắng lợi thực tế. Đây là thắng lợi chung của tất cả nhân dân các bộ tộc Lào, nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Thắng lợi này có phần đóng góp của các lực lượng vũ trang Lào. Đóng góp này không phải chỉ có ở nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc Lào, bảo vệ Đảng và chế độ

dân chủ nhân dân. Nó còn được thực hiện cả ở các lĩnh vực kinh tế, sự kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng. Khi nói đến điều này, không thể không nói đến các DN quốc phòng Lào. Các DN quốc phòng Lào vừa là một phần của QĐND, nhưng lại vừa là một bộ phận của nền kinh tế của nước Lào.

Vấn đề quân đội tham gia vào công cuộc xây dựng kinh tế của đất nước là một vấn đề có ý nghĩa phổ biến trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước. Việc này xuất phát từ hai lý do căn bản sau:

Lý do thứ nhất là từ bản chất của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công cuộc này được tất cả các Đảng Cộng sản cầm quyền và các nhà nước XHCN xác định là sự nghiệp toàn dân, tức là quân đội cũng phải là một lực lượng tham gia vào tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội cả nước. Các lực lượng vũ trang trong các nước XHCN, trong thực tế đều là những lực lượng hùng hậu, tập hợp được những lớp người có nhiệt tình cách mạng, có sức khỏe, có trình độ... Đây là nguồn lực hết sức hết sức phong phú, cần phải khai thác và sử dụng có hiệu quả. Nguồn lực này không thể đứng bên ngoài hoạt động xây dựng và phát triển đất nước được mà phải được sử dụng.

Lý do thứ hai là do bản chất của QĐND. Khác với các quân đội ở các nước tư bản chủ nghĩa, quân đội của các nước XHCN, trong đó có QĐND Lào là đội quân vừa chiến đấu vừa công tác, đúng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Đội quân này không phải là ở bên ngoài chính trị, mà trước hết là công cụ chính trị của Đảng, Nhà nước và của nhân dân. QĐND Lào, không chỉ có ở nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc mà còn phải sẵn sàng xung phong đi trước ở bất kỳ một lĩnh vực nào trong toàn bộ các lĩnh vực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Ngày nay, nhiệm vụ trung tâm của toàn bộ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của đất nước Lào là nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, vì nước Lào là một nước lạc hậu, kinh tế chậm phát triển. Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước Lào, phải xây dựng kinh tế Lào trở thành một nền kinh tế phát triển cao, đem lại cho nhân dân đời sống ấm no, hạnh phúc. Nếu xem xét từ mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ kinh tế và quốc phòng, sẽ càng thấy vấn đề rõ ràng hơn. Đây là

hai nhiệm vụ không thể tách rời nhau. Nếu không có một nền quốc phòng mạnh, không hoàn thành được nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc, để cho kẻ thù tấn công vào đất nước và xâm chiếm đất nước, hoặc là quấy phá, gây mất ổn định, thì chúng ta không thể yên tâm xây dựng đất nước được. Ngược lại, nếu không phát triển nền kinh tế quốc dân thành một nền kinh tế giàu có, thì cũng không lấy đâu ra nguồn lực dồi dào để chi phí cho quốc phòng. Quốc phòng là một lĩnh vực hoạt động rất lớn, rất tốn kém, cần rất nhiều nhân tài, vật lực, tiền của, phải có rất nhiều người tham gia, phải có rất nhiều khoản chi lớn như nuôi quân, trang thiết bị quân sự ngày càng hiện đại, quân nhu, quân y, đào tạo sỹ quan huấn luyện binh lính. Bởi vậy, chi phí quốc phòng thường chiếm tỷ lệ khá lớn trong ngân sách quốc gia. Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Lào hiện nay lại đang bị nhiều thế lực đen tối, thù địch chống phát quyết liệt đòi hỏi phải có một lực lượng quốc phòng ngày càng hiện đại, đủ sức phòng thủ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. “Mấy vấn đề về tính quy luật của sự kết hợp kinh tế với quốc phòng ở CHDCND Lào” [13] là nhu cầu cấp bách. Muốn vậy, chỉ có một con đường duy nhất là nhanh chóng phát triển nền kinh tế quốc dân làm cơ sở kinh tế xã hội cho nhiệm vụ quốc phòng.

Từ những nhận thức đúng đắn và sáng suốt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và của Nhà nước về sự cần thiết phải tổ chức, xây dựng và phát triển các DNQĐ, các DN này đã được ra đời đến nay đã gần 30 năm. Các DN này ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng sản phẩm. Các ngành nghề kinh doanh cũng càng ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp QĐND Lào cũng ngày càng cao, có đóng góp rất tích cực và hiệu quả vào việc quân đội phải hoàn thành nhiệm vụ vừa chiến đấu vừa xây dựng của quân đội. Thực tế đã chứng minh, tư tưởng xây dựng các DNQĐ của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng là hoàn toàn đúng đắn.

Trong hoàn cảnh kinh tế xã hội trong nước và tình hình trên thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, chúng ta cần phải đẩy mạnh việc củng cố và phát triển các DNQĐ trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường của cả nước, đồng thời tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Cần phải nhận thức rõ và đúng: các DNQĐ được xây dựng

và phát triển là thực hiện nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước. Đây là nhiệm vụ lâu dài, gắn liền với sự tồn tại và phát triển kinh tế của đất nước. Những DNQĐ có vai trò và ý nghĩa xét về mặt kinh tế - xã hội rất lớn. Thực tế là, việc xây dựng, củng cố và phát triển các DN này do nhu cầu cần thiết, xuất phát từ thực tiễn của công cuộc đổi mới do Đảng Nhân dân Cách mạng Lào khởi xướng và lãnh đạo.

1.4.2. Phát triển doanh nghiệp quân đội Lào

Phát triển DNQĐ là khái niệm toàn diện bao gồm sự phát triển DN cả về chiều rộng, cả về chiều sâu, cả về thời gian, không gian, tăng trưởng cả về hiệu quả và phát triển bền vững theo thời gian. Khi nói về chu kỳ phát triển của một DN người ta thấy thường là 9 năm và chia ra làm ba thời kỳ: Khởi nghiệp, tạo lập nền móng và phát triển bền vững. Mỗi thời kỳ có những yêu cầu quản trị DN khác nhau.

Để phát triển DNQĐ Lào, cần chú ý các biện pháp như:

- Trước khi tính đến việc phát triển DNQĐ, việc đầu tiên là phải tìm ra những điểm yếu trong hoạt động của các DNQĐ để khắc phục kịp thời, đó cũng chính là nơi có thể tiến hành thay đổi nhanh chóng và với thiệt hại ít nhất, đảm bảo một cơ sở nền tảng vững chắc để từ đó phát triển.

- Củng cố và phát triển các thị trường hiện có, đồng thời tìm kiếm và phát triển thêm các thị trường mới cho DNQĐ (gồm cả thị trường đầu vào và thị trường đầu ra).

- Phát triển các mối kinh doanh của các DNQĐ và tăng cường các mối liên hệ của DNQĐ với các DN và tổ chức liên quan khác.

- Phát triển lực lượng nhân viên hiện có cả về số lượng và chất lượng phù hợp với quy mô mở rộng và phát triển sản xuất, đặc biệt chú ý tìm kiếm tài năng, mở rộng thêm những năng lực của DNQĐ mà không làm gia tăng chi phí đầu tư...

- Tham gia các hiệp hội liên quan (ví dụ các hiệp hội ngành nghề của DN mình...).

- Quảng bá và phát triển hình ảnh DNQĐ.

1.4.3. Các nhân tố tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp quân đội Lào

Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của DN như: bộ máy tổ chức, xây dựng chiến lược kinh doanh (trong đó bao gồm các chiến lược về sản phẩm, thị

trường, nhân lực, công nghệ, cạnh tranh). Việc xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp giúp các nhà quản trị doanh nghiệp tập trung vào những yếu tố này để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp có thể chia làm hai nhóm:

1.4.3.1. Nhóm các nhân tố bên ngoài

Các yếu tố bên ngoài cũng có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của DNQĐ. Các nhân tố bên ngoài tác động đến sự phát triển của DNQĐ rất nhiều, trong đó các nhân tố cơ bản bao gồm:

Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển doanh nghiệp quân đội

Quan điểm của Đảng và Nhà nước có ảnh hưởng quan trọng mang tính định hướng tới sự phát triển của DNQĐ Lào. Như trong phần trên của luận án đã trình bày, quan điểm của Đảng và Nhà nước CHDCND Lào là tiếp tục phát triển DNQĐ Lào trong tình hình mới. Tức là quân đội ngoài thực hiện nhiệm vụ quốc phòng vẫn có thể làm kinh tế, tức là cho phép DNQĐ tồn tại và phát triển.

Theo quan điểm trên, Nhà nước cho phép một bộ phận DNQĐ có thể làm thêm nhiệm vụ kinh tế bên cạnh nhiệm vụ phục vụ quốc phòng. Khi đó, các DNQĐ vẫn thuộc hệ thống quân đội và phải là lực lượng sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết. Trong giai đoạn phát triển kinh tế thị trường hiện nay, Đảng và Nhà nước CHDCND Lào vẫn xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Cho nên, việc phát triển DNQĐ trong hệ thống các DNNN để giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và phục vụ nhiệm vụ quốc phòng. Việc phát triển DNQĐ đồng thời tận dụng được các lợi thế và nguồn lực của quân đội để SXKD trên cơ sở DNQĐ phải hoàn thành nhiệm vụ chính trị phục vụ quốc phòng.

Xu hướng phát triển của quân đội các nước trên thế giới

Phần lớn quân đội ở các nước hiện nay không tham gia hoặc ít tham gia làm kinh tế, mà chỉ tập trung vào nhiệm vụ quốc phòng. Phần lớn các nước không có DN thuộc sự quản lý của quân đội mà chỉ có DN công nghiệp quốc phòng (sản xuất vũ khí, trang thiết bị phục vụ QP...). Các doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng

cung cấp các sản phẩm/dịch vụ công thuận túy cho quân đội theo đơn đặt hàng. Như vậy ở nhiều nước không có loại hình DNQĐ vừa làm nhiệm vụ quốc phòng vừa làm nhiệm vụ kinh tế.

Tuy nhiên, tại các nước có nền kinh tế chuyển đổi trong đó có CHDCND Lào, khi kinh tế đất nước còn khó khăn, Nhà nước và BQP chủ trương tồn tại mô hình DNQĐ, thực chất là quân đội làm kinh tế để sản xuất ra của cải vật chất, góp phần nâng cao đời sống cho bộ đội, tạo việc làm cho xã hội, đóng góp vào ngân sách, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo,... trên cơ sở tận dụng các nguồn lực dôi dư của quân đội.

Môi trường pháp lý và hoạt động quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp quân đội

Môi trường pháp lý bao gồm Luật và các văn bản dưới Luật. Luật gồm có Luật trong nước và Luật quốc tế, các văn bản dưới Luật cũng vậy, có những quy định do Chính phủ ban hành, có những quy định do các tổ chức quốc tế (WTO, AFTA, ASEAN) ban hành mà các doanh nghiệp khi tham gia vào hội nhập và toàn cầu hoá phải tuân theo. Mọi quy định và luật lệ trong hợp tác kinh doanh quốc tế đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, nó tác động trực tiếp đến mọi phương diện như tín dụng, thuế, chống độc quyền, bảo hộ, ưu đãi, bảo vệ môi trường,...những chính sách này khi tác động lên nền kinh tế sẽ ra cơ hội cho doanh nghiệp này nhưng đồng thời cũng sẽ tăng nguy cơ cho doanh nghiệp khác.

Môi trường pháp lý ảnh hưởng đến sự phát triển của DNQĐ bao gồm: (i) Hệ thống luật pháp có đầy đủ, ổn định và công bằng cho các DNQĐ hay không. Mức độ ổn định của hành lang pháp lý sẽ tạo điều kiện cho DNQĐ phát triển. Ngược lại DNQĐ sẽ gặp khó khăn khi môi trường pháp lý thường xuyên thay đổi. Yếu tố này là hết sức quan trọng đối với DNQĐ vì, như đã phân tích trong phần đặc điểm DNQĐ Lào, các DNQĐ Lào vừa phải hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, vừa phải tuân thủ các quy định riêng của Bộ Quốc phòng; (ii) Hệ thống quy định và chính sách của Bộ Quốc phòng cho sự phát triển của DNQĐ như: các quy định về sử dụng tài sản của quân đội, chính sách vốn, tín dụng và sử dụng đất cho DNQĐ,...

Năng lực hoạt động QLNN đối với DNQĐ cũng là yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của DNQĐ. Yếu tố này được thể hiện ở cơ cấu tổ chức của cơ quan QLNN, trình độ cán bộ QLNN, sự minh bạch trong hoạt động QLNN đối với DNQĐ.

Môi trường kinh tế vĩ mô và bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Môi trường kinh tế vĩ mô và bối cảnh hội nhập kinh tế đất nước là nhân tố ảnh hưởng lớn theo hướng tạo ra những cơ hội hoặc tạo ra những thách thức cho các doanh nghiệp nói chung và DNQĐ nói riêng. Các nhân tố cơ bản bao gồm: Tốc độ tăng trưởng kinh tế; Thu nhập bình quân đầu người; Cơ cấu kinh tế; Thu ngân sách và tỷ lệ bội chi ngân sách; Tỷ lệ lạm phát; Tỷ lệ thất nghiệp; Tỷ lệ lao động qua đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực trong nền kinh tế; Lãi suất; Tỷ giá; Đầu tư trực tiếp nước ngoài; Nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức; Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu; Cán cân thương mại;... Các yếu tố thuộc môi trường kinh tế vĩ mô và hội nhập kinh tế của CHDCND Lào được trình bày cụ thể trong phần sau của luận án.

1.4.3.2. Nhóm các nhân tố bên trong

Các nhân tố bên trong là các nhân tố phát sinh từ trong lòng doanh nghiệp có ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp, đó là:

Nguồn lực tài chính: Đây là nguồn lực quan trọng nhất và quyết định đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và DNQĐ Lào nói riêng. Đối với các doanh nghiệp nói chung, các hoạt động sản xuất kinh doanh đều là hoạt động đầu tư với mục tiêu lợi nhuận. Trong nền kinh tế thị trường, DNQĐ phải có vốn bằng tiền hay bằng nguồn lực tài chính để thực hiện được hoạt động sản xuất kinh doanh. Với nguồn lực tài chính này DNQĐ sẽ chi cho các hoạt động như đầu tư mới, mua nguyên vật liệu, trả lương cho công nhân.

Đối với các DNQĐ, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là nguồn vốn nhà nước và nguồn vốn tái đầu tư từ lợi nhuận để lại của các DNQĐ. Trong điều kiện kinh tế thị trường và nguồn ngân sách cấp là có hạn, thì nguồn vốn

trích lại từ lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng quan trọng đối với sự phát triển của các DNQĐ. Đồng thời đã hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn vốn vay là không thể thiếu đối với các doanh nghiệp nói chung và DNQĐ nói riêng. Do đó, chính sách tín dụng của nhà nước đối với DNQĐ là yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của DNQĐ.

Nguồn nhân lực: Ngày nay, tất cả chúng ta đều biết rằng nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản, then chốt, có vai trò đặc biệt quan trọng trong mọi quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và DNQĐ nói riêng. Nguồn nhân lực trong DNQĐ bao gồm: (i) Các nhà quản trị cấp cao (ban giám đốc) là những người có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chiến lược, điều hành và quản lý mọi hoạt động của DNQĐ; (ii) Các nhà quản trị cấp trung là những người đứng dưới nhà quản trị cấp cao và đứng trên nhà quản trị cấp cơ sở; (iii) Các nhà quản trị cấp cơ sở, công nhân là đội ngũ các nhà quản trị ở cấp cuối cùng trong hệ thống cấp bậc của các nhà quản trị một doanh nghiệp. Thông thường họ là những đốc công, tổ trưởng, trưởng ca; và (iv) Các nhân viên, họ là những người không làm quản lý mà chỉ làm nhiệm vụ chuyên môn đơn thuần. Như vậy, số lượng và trình độ của các nhà quản trị và chất lượng nguồn nhân lực trong các DNQĐ là nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển của các doanh nghiệp này.

Sự năng động của các nhà quản trị doanh nghiệp quân đội: Như đã trình bày ở trên, DNQĐ có đặc điểm là vừa thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, vừa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường. Do đó sự năng động của các nhà quản trị DNQĐ là nhân tố quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các DNQĐ. Nếu như các nhà quản trị trong DNQĐ thụ động, ỷ lại vào nhà nước và có tư tưởng bao cấp thì sẽ làm cho DNQĐ trì trệ và không thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp khác, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, trong các DNQĐ, các nhà quản trị phải nhận thức được điều này để tránh tư duy bao cấp, tư tưởng ỷ lại vào nhà nước để đưa các DNQĐ phát triển ổn định và bền vững.

Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp quân đội: Cơ cấu tổ chức của DNQĐ đó là tổng thể các bộ phận, các cá nhân và các mối quan hệ giữa các bộ phận và các cá nhân trong cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp này. Cơ cấu tổ chức của DNQĐ được coi là công cụ để thực hiện mục tiêu và chiến lược của các doanh nghiệp này. Nếu cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, các mối quan hệ quyền hạn và trách nhiệm của các bộ phận, các cá nhân trong cơ cấu tổ chức rõ ràng thì doanh nghiệp đó sẽ hoạt động một cách hiệu quả và ngược lại. Nếu như cơ cấu tổ chức chồng chéo, các mối quan hệ quyền hạn và trách nhiệm không rõ ràng, chông chéo thì DNQĐ sẽ hoạt động không hiệu quả, chi phí tốn kém.

Hoạt động Marketing: Trong quá trình sản xuất kinh doanh, marketing là một công cụ cạnh tranh đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường, tăng doanh thu, hiệu quả của các doanh nghiệp nói chung và DNQĐ nói riêng. Cũng giống như các doanh nghiệp khác, DNQĐ nếu xây dựng được chiến lược marketing và biết cách sử dụng nó trong những tình huống, thời điểm thích hợp thì sẽ giúp doanh nghiệp đó giữ được ưu thế trên thị trường so với các đối thủ cạnh tranh. Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, khi hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường như các doanh nghiệp khác, DNQĐ cần chú trọng vào hoạt động marketing để mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng, tăng doanh thu và lợi nhuận của mình.

Công nghệ được sử dụng trong các doanh nghiệp quân đội: Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và tốc độ đổi mới công nghệ ngày càng nhanh, công nghệ là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nói chung và các DNQĐ nói riêng. Nếu các DNQĐ có công nghệ tiên tiến thì năng suất lao động tăng lên và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn và ngược lại. Nếu như các DNQĐ có công nghệ sản xuất lạc hậu thì khả năng cạnh tranh thấp, năng suất lao động thấp, sử dụng nhiều công nhân nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh vẫn thấp. Việc đổi mới công nghệ trong các DNQĐ vừa phụ thuộc vào những quy định chuyển giao công nghệ của nhà nước, sức ép từ các đối thủ cạnh tranh và sự chủ động của các DNQĐ.

1.4.4. Hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của doanh nghiệp quân đội Lào

Nhìn nhận một cách tổng quát, cơ hội và cũng là thách thức lớn đối với các DN QĐND Lào trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ là cơ hội để mở rộng quan hệ kinh tế thương mại, mở rộng xuất nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ và đầu tư, mà vấn đề quan trọng còn là tạo điều kiện để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tiếp tục giải phóng sức sản xuất của các thành phần, các tổ chức kinh tế, đẩy mạnh tự do hoá các hoạt động kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế, tạo điều kiện cho Lào phát triển nhanh và bền vững hơn.

Hội nhập kinh tế quốc tế cho phép Lào có những điều kiện thuận lợi để tiếp nhận những thành tựu và kinh nghiệm tiên tiến của các nước trên thế giới về quản lý kinh tế, quản lý sản xuất kinh doanh, về điều hành các mặt của đời sống xã hội.

Các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và người lao động có điều kiện cũng như có yêu cầu phải nâng cao trình độ, tay nghề, nâng cao vốn ngoại ngữ, pháp luật quốc tế. Nhà nước cũng có điều kiện và yêu cầu, đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô theo quy luật của kinh tế thị trường và điều kiện cụ thể của Lào, giảm bớt những yếu tố chủ quan, duy ý chí, hoàn thiện môi trường pháp lý, bảo đảm tính minh bạch cho sản xuất kinh doanh phát triển thuận lợi.

Các thách thức và khó khăn lớn nhất đối với các doanh nghiệp Lào nói chung và các DNQĐ Lào nói riêng là không những phải cạnh tranh rất quyết liệt ở thị trường ngoài nước rất rộng lớn, mà cả ở thị trường trong nước còn đang trong quá trình xây dựng. Điều đó đòi hỏi phải mở cửa thị trường hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, nhất là đối với những ngành, những lĩnh vực quan trọng, nhạy cảm của nền kinh tế mà nhiều nước có thể mạnh hoặc điều kiện tương tự; phải trực tiếp đối đầu với những rào cản về kỹ thuật, về tiêu chuẩn lao động, về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; phải cắt giảm thuế, giảm dần các hàng rào bảo hộ đối với các doanh

nghiệp, nhất là doanh nghiệp Nhà nước, trong khi các DN QĐND Lào nguồn vốn hạn chế, quy mô kinh doanh nhỏ, kỹ thuật sản xuất còn lạc hậu, thiếu kinh nghiệm thương trường.

Cùng với những khó khăn, thách thức chung nói trên, có thể thấy: quy mô kinh tế của Lào còn quá nhỏ, sơ khai; cơ sở hạ tầng kém phát triển, chất lượng khá thấp, không dồi dào; lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tới 80%; tỷ lệ thất nghiệp và nghèo đói còn quá cao; còn quá nhiều vùng, nhiều lĩnh vực, nhiều ngành kinh tế cần phải đầu tư phát triển. Nhưng cái khó khăn lớn nhất để phát triển những vùng này là hiệu quả đầu tư không thể cao được. Vấn đề này là một mâu thuẫn làm cho các nhà đầu tư thường không được yêu thích. Những nhà đầu tư bao giờ cũng phải quan tâm đến hiệu quả đầu tư, chứ họ không phải các nhà lãnh đạo, nhà chính trị mà cần phải ưu tiên đến các vấn đề mang ý nghĩa xã hội.

Vì vậy, nhiệm vụ đi trước mở đường được giao cho các DNQĐ, vì quân đội vốn là đội quân chiến đấu, lại là đội quân công tác. Các DNQĐ phần lớn đều hoạt động trên những lĩnh vực khó khăn, mới mẻ như Hàng không, sản xuất thuốc cổ truyền, sản xuất đá cho công nghiệp và xây dựng, dệt, nhuộm. Đặc biệt là các DN nhận các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, điều kiện khó khăn như Tổng Công ty Phát triển Miền núi, Công ty phát triển Nông - Lâm nghiệp và Dịch vụ xuất nhập khẩu, Công ty khai thác, sản xuất đá, xuất nhập khẩu, Công ty Viễn thông Lao - ASai...Thực tế đã chứng minh là cách tổ chức và giao nhiệm vụ như trên là đúng đắn. Các DNQĐ không chỉ là bước đầu khẳng định được mình về hiệu quả kinh doanh, mà còn đạt được thành quả xã hội lớn hơn rất nhiều lần. Như đã nói, Công ty Phát triển miền Núi đã biến cả vùng cây số 20 từ nơi hoang vắng, nghèo nàn thành cả một vùng thị thành. Đồng thời, Công ty còn làm được một công việc, tuy nhỏ nhưng lại được coi là một thành tích lớn, một việc chưa từng xảy ra trong lịch sử. Đó là việc Công ty đã xuất khẩu thành công chuyên gỗ đầu tiên ra thị trường nước ngoài, quá cảnh bằng đường biển Việt Nam (ở tỉnh Nghệ An), mở ra một trang mới trong lịch sử hội nhập quốc tế của nền kinh tế Lào, một nước không có biển lại có khả năng xuất khẩu trực tiếp bằng đường biển. Công ty Thương mại

xuất nhập khẩu Quân đội đã triển khai công việc khai hoang được 55ha/100ha trong kế hoạch, làm đổi mới và nâng cao đời sống nhân dân vùng đóng quân, thông qua việc tạo ra hàng trăm việc làm cho người dân trong vùng. Công ty TNHH xuất nhập khẩu Lào - Hùng có vị trí ở vùng nông thôn xa xôi, cách thủ đô Viêng Chăn gần 100 km, một vùng còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, đồng thời cũng còn có hoạt động của nhóm người không tốt. Nhờ những hoạt động có hiệu quả của Công ty, nhân dân địa phương đã được tạo công ăn việc làm, kinh tế xã hội vùng này đã được phát triển, nhân dân dần dần có ý thức hợp tác tốt trong công tác quốc phòng, an ninh, nhờ đó mà tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội vùng này đã có sự chuyển biến rõ rệt.

Những thành tích như vậy cũng còn thấy ở nhiều DNQĐ khác. Nó chứng tỏ vai trò tích cực của các DNQĐ trong lĩnh vực củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh quốc gia, một nhiệm vụ có tầm chiến lược quan trọng trong sự nghiệp lớn củng cố độc lập và phát triển đất nước.

1.5. Hệ các phương pháp, tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá sự phát triển và hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào

1.5.1. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá sự phát triển và hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào

1.5.1.1. Nguyên tắc xây dựng, hoàn thiện và lựa chọn chỉ tiêu đánh giá sự phát triển và hoạt động của doanh nghiệp quân đội Lào

Chỉ tiêu thống kê là khái niệm phản ánh một cách tổng hợp đặc điểm về lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội. Chỉ tiêu thống kê phản ánh một cách tổng hợp đặc điểm về lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất chủ yếu các hiện tượng đã và đang xảy ra.

Chỉ tiêu thống kê bao gồm 2 mặt không tách rời nhau: định tính và định lượng. Định tính được thể hiện qua khái niệm, làm rõ “vật đo”, ứng với “cái chung”. Định lượng là “số đo”, kết quả đo của vật cụ thể được đo, gắn với thời gian và địa điểm cụ thể, ứng với “cái riêng”. Ví dụ, chỉ tiêu năng suất lao động biểu hiện hiệu quả sử

dụng lao động, là tương quan, quan hệ so sánh giữa kết quả kinh tế đạt được và chi phí về lao động đã bỏ ra để đạt được kết quả đó. Phân biệt năng suất lao động sống, năng suất lao động vật hóa và năng suất lao động xã hội. Mức năng suất chính là định lượng, là số đo, kết quả đo năng suất của từng đơn vị cụ thể trong thời gian nhất định. Mức năng suất lao động (số đo) là khác nhau ở các đơn vị khác nhau, trong thời gian khác nhau.

Theo *nội dung* được phản ánh, chỉ tiêu thống kê bao gồm chỉ tiêu chất lượng và chỉ tiêu số lượng. Chỉ tiêu chất lượng là chỉ tiêu phản ánh các đặc điểm về mặt chất của hiện tượng nghiên cứu. Ví dụ, chỉ tiêu năng suất lao động, chỉ tiêu giá cả, chỉ tiêu giá thành. Chỉ tiêu số lượng (khối lượng) là các chỉ tiêu phản ánh quy mô, khối lượng của hiện tượng nghiên cứu. Ví dụ, chỉ tiêu sản lượng, chỉ tiêu số lao động. Việc phân định một chỉ tiêu là chỉ tiêu số lượng hay chất lượng chỉ có ý nghĩa tương đối, phụ thuộc vào mối quan hệ với chỉ tiêu khác có liên quan. Ví dụ, có các chỉ tiêu năng suất lao động (w), số ngày làm việc bình quân 1 lao động (\bar{N}), số lao động (T). Trong quan hệ với năng suất lao động (NSLĐ), số ngày làm việc bình quân 1 lao động (\bar{N}) là chỉ tiêu số lượng. Trong quan hệ với chỉ tiêu số lao động (T), số ngày làm việc bình quân 1 lao động (\bar{N}) là chỉ tiêu chất lượng. Phân định chỉ tiêu số lượng hay chất lượng có ý nghĩa quan trọng trong việc tính toán các chỉ số (lựa chọn quyền số và thời kỳ của quyền số).

Theo *hình thức biểu hiện* (đơn vị tính), chỉ tiêu thống kê bao gồm chỉ tiêu chỉ tiêu hiện vật, chỉ tiêu giá trị. Chỉ tiêu hiện vật biểu hiện bằng đơn vị tự nhiên. Ví dụ, số lượng máy móc tính bằng cái; sản lượng lương thực tính bằng tấn, vải tính bằng mét; nước mắm tính bằng lít. Các chỉ tiêu hiện vật cũng có thể được biểu hiện bằng đơn vị hiện vật quy ước. Ví dụ, lương thực quy thóc; máy kéo tính về máy 15 mã lực... Chỉ tiêu giá trị được biểu hiện bằng đơn vị tiền tệ, Việt Nam đồng, đồng đô la Mỹ, đồng Euro. Ví dụ, giá trị sản xuất công nghiệp, doanh thu tiêu thụ sản phẩm được tính bằng đồng, nghìn đồng, triệu đồng Việt Nam; kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu được tính bằng đồng đô la Mỹ. Chỉ tiêu hiện vật là chỉ tiêu gốc, ban đầu, là cơ sở để xác định các chỉ tiêu giá trị, cho phép đánh giá trình độ thỏa mãn các nhu cầu

cụ thể (xét về giá trị sử dụng của sản phẩm). Chỉ tiêu hiện vật chỉ được áp dụng, chỉ cho phép tổng hợp, biểu hiện mặt lượng của các hiện tượng đồng chất, cùng loại, cùng đơn vị tính, không cho phép tổng hợp, biểu hiện mặt lượng của các hiện tượng không đồng chất, khác loại, không cùng đơn vị tính. Chỉ tiêu giá trị cho phép biểu hiện mặt lượng của các hiện tượng không đồng chất, không cùng loại, không cùng đơn vị tính. Ví dụ, chỉ tiêu giá trị sản xuất cho phép tổng hợp kết quả sản xuất các loại sản phẩm khác nhau. Đặc điểm cần chú ý của chỉ tiêu giá trị là chịu ảnh hưởng của yếu tố giá cả. Vì vậy, khi nghiên cứu biến động của chỉ tiêu giá trị trong điều kiện có biến động lớn của giá cả, cần loại trừ ảnh hưởng biến động của nhân tố này.

Theo *đặc điểm về thời gian*, chỉ tiêu thống kê bao gồm chỉ tiêu thời kỳ và chỉ tiêu thời điểm. Chỉ tiêu thời kỳ là chỉ tiêu phản ánh quy mô của hiện tượng trong một thời kỳ nhất định. Vì vậy, quy mô của hiện tượng nghiên cứu phụ thuộc vào độ dài thời gian nghiên cứu. Ví dụ, chỉ tiêu sản lượng, chỉ tiêu thu nhập, chỉ tiêu chi phí... Chỉ tiêu thời điểm là chỉ tiêu phản ánh quy mô của hiện tượng nghiên cứu tại một thời điểm. Vì vậy, quy mô của hiện tượng nghiên cứu không phụ thuộc vào độ dài thời gian nghiên cứu. Ví dụ, chỉ tiêu quy mô tài sản cố định (TSCĐ), chỉ tiêu số lao động, chỉ tiêu quy mô tài sản lưu động (TSLĐ), chỉ tiêu trữ lượng tài nguyên thiên nhiên.

Tổng theo thời gian của các chỉ tiêu thời kỳ là một con số có ý nghĩa. Ví dụ, tổng thu nhập của một người qua 3 tháng chính là thu nhập của người đó trong một quý. Tổng theo thời gian của các chỉ tiêu thời điểm là một con số không có ý nghĩa. Ví dụ, tổng số lao động có vào đầu các tháng của quý I không nói lên một điều gì cả, không phải là số lao động đơn vị trong quý đó. Đây cũng là cách để nhận dạng, phân định một chỉ tiêu là chỉ tiêu thời kỳ hay thời điểm.

Phân định chỉ tiêu là chỉ tiêu thời kỳ hay thời điểm để viết, nói, tính và chọn phương pháp nghiên cứu cho đúng. Cần nói “tiền lương của thời kỳ nào đó”, không nói “tiền lương tại một thời điểm nào đó”. Có thể cộng tiền lương tháng thành tiền lương quý, cộng tiền lương quý thành tiền lương năm. Không nói “tồn kho của thời kỳ nào đó”, cần nói “tồn kho tại một thời điểm nào đó”. Không thể cộng tồn kho đầu các tháng thành tồn kho đầu các quý, cộng tồn kho đầu các quý thành tồn kho